

Số: 508 /QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 10 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình và đề cương chi tiết sau điều chỉnh, rà soát chương trình đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25-01-1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Căn cứ Quyết định số 19/2006/QĐ-BYT ngày 04/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế đào tạo Bác sĩ nội trú

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng Bộ môn Nội, Ngoại & PTTH, Nhi

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo và đề cương chi tiết trình độ bác sĩ nội trú bệnh viện chuyên ngành Nội khoa, Ngoại khoa, Nhi khoa, sau khi có rà soát, điều chỉnh chương trình

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng Bộ môn Nội, Ngoại & PTTH, Nhi khoa, Phòng Tổ chức, Trưởng phòng tài chính kế toán và các bộ môn liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Lưu ĐTSĐH
- Lưu: HCTH

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

CƠ SỞ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo bác sĩ nội trú chuyên ngành nội khoa được xây dựng trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau:

1. Luật Giáo dục năm 2005 và sửa đổi bổ sung năm 2009 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XII thông qua ngày 25/11/2009.
2. Luật Giáo dục Đại học năm 2012 (Quốc hội khoá XIII ban hành ngày 18/6/2012).
3. Nghị định của Chính phủ số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006
4. Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học.
5. Thông tư liên tịch số 30/2003/TTLT/BGD&ĐT – BHYT ngày 01/7/2003 của Bộ GD&ĐT – Bộ Y tế về việc hướng dẫn chuyển đổi giữa các văn bằng và trình độ đào tạo sau đại học trong lĩnh vực y tế.
6. Quyết định số 19/2006/QĐ- BHYT ngày 4/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo bác sĩ nội trú.
7. Quyết định số 18/2000/QĐ- BGD&ĐT, ngày 8/6/2000 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế ĐT sau đại học.
8. Quyết định số 02/2001/QĐ- BGD&ĐT, ngày 29/01/2001 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế Tuyển sinh sau đại học.
9. Quyết định số 4306/2003/QĐ- BHYT ngày 14/8/2003 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế cấp bằng chuyên khoa cấp I, bằng tốt nghiệp chuyên khoa cấp II và bằng tốt nghiệp nội trú bệnh viện trong lĩnh vực y tế.
10. Công văn số 6698/YT – K2ĐT ngày 13/9/2004 của Bộ y tế về việc xếp loại tốt nghiệp sau Đại học.
11. Quyết định số 44/2004/ QĐ-TTG của Thủ tướng chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc giao nhiệm vụ Đào tạo Thạc sĩ cho trường Đại học Y Hải Phòng
10. Biên bản họp và kết quả bỏ phiếu của hội đồng khoa học của trường Đại học Y Hải Phòng về việc xây dựng chương trình Đào tạo Bác sĩ Nội trú bệnh viện chuyên ngành Nội khoa ngày 23 tháng 10 năm 2005

PHẦN GIỚI THIỆU CHUNG

1. GIỚI THIỆU NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

Bậc học: Sau đại học

Chuyên ngành đào tạo: **Bác sĩ nội trú bệnh viện chuyên ngành Nội khoa**

Chức danh sau khi tốt nghiệp: Bác sĩ nội trú, Thạc sĩ.

Mã số đào tạo: **60.72.20 NT**

Thời gian đào tạo: 3 năm

Hình thức đào tạo: chính quy tập trung.

Đối tượng tuyển sinh: Các bác sĩ tốt nghiệp Đại học Y đạt loại khá, giỏi hoặc xuất sắc, có các điểm thi môn nội khoa trong quá trình học đại học từ 7 điểm trở lên.

Điều kiện tốt nghiệp : Học viên phải học tập trung 3 năm, hoàn thành 150 đơn vị học trình của các môn học theo quy định của chương trình

- Môn học chung: 3 môn
- Môn học cơ sở và hỗ trợ : 7 môn
- Môn chuyên ngành: 7 môn
- Môn học tự chọn: chọn 3 trong 6 môn học tự chọn
- Hoàn thành luận văn tốt nghiệp

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Bậc học có thể tiếp tục: Chuyên khoa cấp 2, tiến sĩ y học.

2. MÔ TẢ NHIỆM VỤ:

Bác sĩ nội trú bệnh viện chuyên ngành Nội khoa có các nhiệm vụ sau:

- Chẩn đoán đúng và kịp thời xử trí một cách độc lập các trường hợp cấp cứu, các bệnh lý thường gặp trong chuyên ngành.
- Sử dụng thành thạo các trang thiết bị có trong chuyên ngành đảm bảo phục vụ cho chẩn đoán và điều trị bệnh.

- Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho các lớp học viên đào tạo bậc đại học, có khả năng trở thành giáo viên giảng dạy.

- Có khả năng tổ chức và tiến hành nghiên cứu đề tài khoa học.

-Về ngoại ngữ: sau khi tốt nghiệp bác sĩ nội trú phải có trình độ ngoại ngữ theo quy định hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo. Tham khảo được tài liệu chuyên môn và trình bày báo cáo khoa học được bằng tiếng nước ngoài.

3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo bác sĩ nội trú là loại hình đào tạo của bậc sau Đại học, có tính đặc thù truyền thống, đào tạo cán bộ nguồn cho ngành y tế.

- Đào tạo bác sĩ nội trú là đào tạo bác sĩ chuyên môn giỏi cho ngành y tế, có kiến thức rộng về y học sở và kiến thức chuyên ngành sâu, có kỹ năng thực hành cao đáp ứng việc phòng bệnh, khám, chữa bệnh, độc lập trong nghiên cứu khoa học và có khả năng đào tạo cán bộ ngành y tế.

- Có thái độ ứng xử đúng, chuẩn mực trong chăm sóc sức khỏe và quản lý chuyên ngành

3.2. Mục tiêu cụ thể.

- Hệ thống được kiến thức cơ bản, cập nhật được kiến thức hiện đại về chuyên ngành.

- Vận dụng kiến thức khoa học cơ bản và y học cơ sở liên quan vào chuyên ngành để làm tốt việc phòng bệnh, khám bệnh, chẩn đoán, điều trị và nghiên cứu khoa học.

- Thực hành thành thạo một số thủ thuật chuyên ngành.

- Có khả năng tư vấn về công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng

4. QUỸ THỜI GIAN ĐÀO TẠO.

* 1 đơn vị học trình tương ứng:

- 15 tiết lý thuyết= 1 đơn vị học trình

- 30 tiết thực hành tại phòng thí nghiệm.

- 45 tiết thực tập tại bệnh viện, cộng đồng.

* Các tiết học thực hành thiết kế trong chương trình này đã được quy đổi tương ứng với một tiết lý thuyết.

STT	Nội dung học tập	Số ĐVHT/ Tiết học			
		Tổng số	LT	TH	Tỉ lệ %
1	Các môn chung	14	10	4	14.00
2	Các môn cơ sở và hỗ trợ	27	15	12	14.67
3	Các môn chuyên ngành	71	24	47	54.00
4.	Các môn học tự chọn	9	9	0	4.00
4	Luận văn tốt nghiệp	29			13.33
	Tổng	150	58	63	100.00

5. BẢNG PHÂN BỐ QUỸ THỜI GIAN KHOÁ HỌC (TÍNH THEO TUẦN)

Học kỳ	Học tập	Thi	Tết/hè	Tổng
I	21	2	2	25
II	20	2	3	25
III	21	2	2	25
IV	20	2	3	25
V	21	2	2	25
VI	20	2	3	25
Tổng	123	12	15	150

6. CHƯƠNG TRÌNH TỔNG QUÁT ĐÀO TẠO (TÍNH THEO ĐVHT/TIẾT HỌC).

MỀN HỌC BẮT BUỘC

A. CÁC MÔN HỌC CHUNG (15 TC).

Mã số	Tên môn học	Tổng số ĐVHT/ Tiết học	Phân bố ĐVHT/ Tiết học	
			LT	TH
YHTH.501	Triết học	6/90	6/90	
YHNN.502	Ngoại ngữ	6/90	4/60	2/30
YHTH.511	Tin học	3/45	2/30	1/15

B. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ (26 ĐVHT).

Mã số	Tên môn học	Tổng số ĐVHT/ Tiết học	Phân bố ĐVHT/ Tiết học	
			LT	TH
YHNC.512	Phương pháp NCKH	3/45	2/30	1/15
YHPP.513	Phương pháp dạy học	3/45	2/30	1/15
YHSL.521	Sinh lý học nâng cao	2/30	2/30	0
YHSB.528	Miễn dịch lâm sàng- SLB	4/60	4/60	0
YHGB.524	Ung thư - Giải phẫu bệnh	5/75	3/45	2/30
YHHS.571	Hồi sức cấp cứu	5/75	2/30	3/45
YHTN.572	Truyền nhiễm	5/75	3/45	2/30

C. CÁC MÔN HỌC CHUYÊN NGÀNH (71 ĐVHT).

Mã số	Tên môn học	Tổng số ĐVHT/ Tiết học	Phân bố ĐVHT/ Tiết học	
			LT	TH
YHTM.573	Tim mạch	13/195	4/60	9/135
YHHH.574	Hô hấp	9/135	3/45	6/90
YHTH.574	Tiêu hóa	13/195	4/60	9/135
YHNT.576	Nội tiết- Chuyển hóa	12/180	4/60	8/120
YHTN.577	Thận- Tiết niệu	8/120	3/45	5/75
YHBM.578	Bệnh máu và cơ quan tạo máu	8/120	3/45	5/75
YHCX.581	Cơ – Xương – Khớp	8/120	3/45	5/75

MÔN HỌC TỰ CHỌN
D. CÁC MÔN TỰ CHỌN (6 ĐVHT)(9ĐVHT)

YHVS.525.	Vi sinh			2/30	1/15
YHCĐ.579	Chẩn đoán hình ảnh	Chọn 1 trong 2 môn	3/45	2/30	1/15
YHLK.580	Lão khoa			2/30	1/15
YHHS.526	Hóa sinh lâm sàng	Chọn 1 trong 2 môn	3/45	1/15	2/30
YHDL.527	Dược lâm sàng	Chọn 1 trong 2 môn	3/45	2/30	1/15
YHBL.582	Lao cộng đồng	2 môn		2/30	1/15
	Luận văn tốt nghiệp		29	300	
	Tổng cộng		150	2250	

7. BẢNG PHÂN BỐ CHI TIẾT MÔN HỌC/ HỌC PHẦN THEO HỌC KỲ

Mã số	Tên môn học	ĐVHT	Tiết	Học kỳ					
				I	II	III	IV	V	VI
CÁC MÔN HỌC CHUNG									
YHTH.501	Triết học	4	60	*					
YHNN.502	Ngoại ngữ	6	90	*	*				
YHTH.511	Tin học	4	60	*					
CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ									
YHNC.512	Phương pháp NCKH	4	60	*					
YHPP.513	Phương pháp dạy học	3	45	*					
YHSL.521	Sinh lý học nâng cao	2	30	*					
YHSB.528	Miễn dịch lâm sàng- SLB	4	60	*					
YHGB.524	Ung thư - Giải phẫu bệnh	5	75		*				
YHHS.571	Hồi sức cấp cứu	5	75	*					
YHTN.572	Truyền nhiễm	5	75		*				
CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH									
YHTM.573	Tim mạch	13	195			*			
YHHH.574	Hô hấp	9	135			*			
YHTH.574	Tiêu hóa	13	195			*			
YHNT.576	Nội tiết- Chuyên hóa	12	180			*			
YHTN.577	Thận- Tiết niệu	8	120				*		
YHBM.578	Bệnh máu và cơ quan tạo máu	8	120				*		
YHCX.581	Cơ - Xương - Khớp	8	120						
CÁC MÔN HỌC TỰ CHỌN									
YHVS.525.	Vi sinh	Chọn 1 trong 2	3	45					*
YHCĐ.579	Chẩn đoán hình ảnh		3	45					*
YHLK.580	Lão khoa	Chọn 1 trong 2	3	45					*
YHHS.526	Hóa sinh lâm sàng		3	45					*
YHDL.527	Dược lâm sàng	Chọn 1 trong 2	3	45					*
YHBL.582	Lao cộng đồng		3	45					*
LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP			28	420					
			150	1245					

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

A. CÁC MÔN HỌC CHUNG

ĐỀ CƯƠNG

MÔN HỌC: TRIẾT HỌC

Mã số: YHTH. 501

1. Tên môn học: Triết học

2. Thời lượng: Số ĐVHT: 06

- Nghe giảng: 70%

- Thảo luận: 30%

3. Trình độ

Dùng cho khối không chuyên ngành Triết học, trình độ đào tạo sau đại học.

4. Mục tiêu

Môn học cung cấp tri thức khái lược về lịch sử Triết học, nội dung cơ bản của các học thuyết ảnh hưởng nhiều đến đời sống của dân tộc Việt nam và các chuyên đề nhằm góp phần củng cố và phát triển ở người học một thế giới quan khoa học, phương pháp luận khoa học.

5. Nội dung chương trình:

TT	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thảo luận (tiết)	Tổng số (tiết)
	Chương 1: Khái luận về triết học <i>Phần 1:</i> Triết học là gì ? <i>Phần 2:</i> Triết học phương Đông và Triết học phương Tây	10	4	14
	Chương 2: Triết học Mác – Lênin <i>Phần 1:</i> Sự ra đời của Triết học Mác – Lênin <i>Phần 2:</i> Chủ nghĩa duy vật biện chứng	30	6	36

	<i>Phần 3</i> : Phép biện chứng duy vật <i>Phần 4</i> : Chủ nghĩa duy vật lịch sử <i>Phần 5</i> : Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay			
	Chương 3 : Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học <i>Phần 1</i> : Mối quan hệ giữa khoa học và Triết học <i>Phần 2</i> : Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học	15	1	4
	Chương 4 : Vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội <i>Phần 1</i> : Ý thức khoa học <i>Phần 2</i> : Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội <i>Phần 3</i> : Khoa học công nghệ ở Việt nam	20	4	6
	Tổng	75 tiết	15 tiết	90 tiết

11. Tài liệu học tập

- Giáo trình của Bộ GD&ĐT: Giáo trình Triết học (Dùng cho học viên Cao học & Nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành triết học)
- Giáo trình Triết học Mác – Lênin (Chương trình đại học)
- Lịch sử Triết học – nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà nội

12. Tiêu chuẩn đánh giá kiến thức của học viên.

Tổng hợp gồm 3 phần điểm:

- Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm: không quá 5 học viên/nhóm): 10%
- Bài tiểu luận(thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%
- Bài thi tự luận kết thúc môn học(thời gian làm bài: 90 phút): 60%
- Học viên chủ động trong quá trình học tập; kết hợp kiến thức trong giáo trình với bài giảng trên lớp, kiến thức Triết học bậc đại học và các khoa học khác với kiến thức của môn học.
- Phát huy năng lực của mỗi học viên; đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của quá trình giảng dạy và học tập.
- Vận dụng thế giới quan, phương pháp luận khoa học Triết học để góp phần phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên ngành và cuộc sống đặt ra.

13. Nhiệm vụ của học viên

- Nghe giảng viên giới thiệu chương trình và các nội dung cơ bản của môn học.
- Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo theo các chủ đề, câu hỏi và tham gia thảo luận trên giảng đường có sự hướng dẫn của giảng viên.

1. Phương pháp dạy/học: Áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu overhead.

14. Phương pháp đánh giá.

Tiêu chuẩn đánh giá kiến thức của học viên

Tổng hợp gồm 3 phần điểm:

- Tham gia học tập và thảo luận tại giảng đường có sự hướng dẫn của giảng viên (có thể tổ chức theo nhóm: không quá 5 học viên/nhóm): 10%
- Bài tiểu luận(thực hiện độc lập của mỗi học viên): 30%
- Bài thi tự luận kết thúc môn học(thời gian làm bài: 90 phút): 60%

14.1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Thi lý thuyết tự luận.

14.2. Cách tính điểm môn học:

1) Kiểm tra 1 (ĐKT1):	Trọng số: 0,1
2) Kiểm tra 2 (ĐKT2):	Trọng số: 0,1
3) Kiểm tra 3 (ĐKT3):	Trọng số: 0,1
4) Thi hết môn (ĐT):	Trọng số: 0,7
5) Tổng số	1,0

Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKT1} * 0,1) + (\text{ĐKT2} * 0,1) + (\text{ĐKT3} * 0,1) + (\text{ĐT} * 0,7)$$

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC NGOẠI NGỮ

1. Mã số: YHNN. 502
2. Tên học phần: Ngoại ngữ
3. Số tiết học: 90 tiết gồm cả lý thuyết và thực hành
4. Giảng viên phụ trách: GV ThS. Trần Thị Hòa
5. Cán bộ tham gia giảng dạy: GV ThS. Trần Thị Hòa

6. Mục tiêu học phần

- Sinh viên sử dụng được ngữ pháp và vốn từ vựng của trình độ tương đương B1 theo Khung Châu Âu chung.
- Sinh viên giao tiếp được bằng ngoại ngữ tương đương B1 với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
- Sinh viên sử dụng Ngoại ngữ để đọc hiểu và tra cứu được các tài liệu chuyên ngành Y
- Sinh viên sử dụng được một số cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản, thường gặp trong y văn.

7. Mô tả học phần:

Học phần được chia làm 2 giai đoạn:

_ Giai đoạn 1: Sinh viên thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với trình độ tương đương B1 theo khung Châu Âu. Sinh viên học từ vựng, ngữ pháp, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo định hướng của các bài thi lấy chứng chỉ B1.

_ Giai đoạn 2: Sinh viên được cung cấp từ vựng chuyên ngành và ngữ pháp thường gặp trong văn phong khoa học và các tài liệu chuyên ngành y.

8. Nội dung chi tiết:

9.1. Giai đoạn 1 (30 tiết cả lý thuyết và thực hành)

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành
1	Unit 1. Present tenses	2	1
2	Unit 2. Past tenses	2	1
3	Unit 4. Present perfect simple, present perfect continuous	2	1
4	Unit 5. Past perfect simple, past perfect continuous	2	1
5	Unit 7. Future time	2	1
6	Unit 8. Preposition of time and place	2	1
7	Unit 10. The passive 1	2	1
8	Unit 11. The passive 2	2	1
9	Unit 17. Relative clauses	2	1
10	Unit 25. So; such; too; enough	2	1
11	Unit 26. Comparatives; superlatives	2	1
12	Unit 28. Conditionals 1	2	1

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành
13	Unit 29. Conditionals 2	2	1
14	Unit 31. Reported speech	2	1
15	Unit 32. Reported questions, orders, requests	2	1

30 15 45

9.2. Giai đoạn 2 (45 tiết cả lý thuyết và thực hành):

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành
1	Unit 1. Shapes and Properties	3	2
2	Unit 2. Location	3	2
3	Unit 3. Structure	3	2
4	Unit 4. Function	3	2
5	Unit 5. Actions in sequence	3	2
6	Unit 6. Cause and Effect	3	1
7	Unit 7. Proportion	3	1
8	Unit 8. Quantity	3	1
9	Unit 9. Cause and Effect	3	1

STT	Tên bài	Lý thuyết	Thực hành
10	Unit 10. Proportion	3	1
		30	15 60

9. Phương pháp dạy học:

- _ Thuyết trình, phát vấn
- _ Làm việc theo cặp/nhóm, thảo luận, đóng vai.

10. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- _ Phần, bảng hoặc projector (power point),
- _ Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

11. Lượng giá:

12.1. Đánh giá ban đầu:

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

12.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Sinh viên phải tham dự học ít nhất 90% số tiết của học phần
- Nếu sinh viên học ít hơn 90% số tiết của học phần thì bị nhận điểm 0 và phải thi lại học phần đó.
- Nếu sinh viên học ít hơn 70% số tiết của học phần thì phải học lại học phần đó.
- Điểm chuyên cần: được đánh giá dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp
- 01 bài kiểm tra giữa kỳ. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.

- Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi đánh giá cuối kỳ.

12.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- Thi vấn đáp: Sinh viên thi nói về một số chủ đề đã học.
- Sinh viên phải có kết quả điểm thi vấn đáp (thi nói) từ 5.0 trở lên mới được dự thi bài thi viết hết học phần.
- Thi viết: Dạng bài thi viết 120 phút

12.4. Cách tính điểm học phần

Điểm tổng kết học phần được tính theo công thức:

$$\text{TKHP} = (\text{KT Giữa kỳ} + \text{Thi Nói} + \text{Thi Viết}) / 3$$

Nếu TKHP dưới 5 điểm, sinh viên phải thi lại bằng bài thi Viết lần 2.

Điểm TKHP lần 2 của sinh viên được tính theo công thức sau:

$$\text{TKHP lần 2} = (\text{KT Giữa kỳ} + \text{Thi Nói} + \text{Thi Viết lần 2}) / 3$$

12.5. Đánh giá theo chứng chỉ B1 khung Châu Âu:

Ngoài bài thi kết thúc học phần, học viên phải tham dự kỳ thi lấy chứng chỉ B1 theo khung Châu Âu và đạt kết quả Đạt. Đây là điều kiện để xét tốt nghiệp cho học viên cao học.

12. Tài liệu học tập:

Giai đoạn 1: Tài liệu luyện thi B1 Châu Âu: Destination B1 – Grammar and Vocabulary. Macmillan Press.

Giai đoạn 2: Giáo trình English for Medical students (Centre of Human Resources for Health – Ministry of Health)

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC TOÁN TIN ỨNG DỤNG

Mã học phần: YHTH.511

Tên học phần: **Toán Tin ứng dụng**

Trình độ đào tạo: **Bác sĩ nội trú các chuyên ngành**

Số đơn vị học trình: 03 Lý thuyết: 02 Thực hành: 01

Số tiết: 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán học - Đại học Y Hải Phòng.

2. CÁN BỘ GIẢNG DẠY

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng

- ThS. Nguyễn Thị Hạnh Dung

3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Toán tin ứng dụng dành cho đối tượng học viên Cao học và Bác sĩ nội trú gồm 4 đơn vị học trình (2 ĐVHT lý thuyết và 2 ĐVHT thực hành).

Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm, có ứng dụng máy tính để xử lý số liệu dựa phần mềm thống kê SPSS.

Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Thiết kế cơ sở dữ liệu nghiên cứu. Kiểm tra tính toàn vẹn dữ liệu. Khử sai số và nhiễu.

Thống kê mô tả: Các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu.

Ước lượng trung bình, phương sai, *OR*, *RR*, hệ số tương quan tuyến tính,...

Xây dựng đường cong *ROC*, tìm điểm cắt trong chẩn đoán....

Kiểm định giả thiết thống kê: So sánh hai hoặc nhiều kỳ vọng, *ANOVA* một nhân tố, *ANOVA* hai nhân tố, So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập của hai dấu hiệu theo phương pháp *Chi Square*,...

Các tiêu chuẩn kiểm định phi tham số: Tiêu chuẩn *Kolmogorov*, kiểm định theo dấu,...

Tương quan đa biến: Hệ số tương quan đa biến, tương quan riêng, phương pháp tìm đường hồi quy đa biến...

Tương quan giữa các biến định tính: Hệ số *K*, *F*, *P* hệ số *Spearman*; Hệ số *Pearson*;...

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần, học viên có thể hiểu được một số phương pháp Toán thống kê cơ bản và nâng cao trong xử lý số liệu nghiên cứu y học.

Vận dụng phần mềm để xử lý số liệu nghiên cứu y học trên máy vi tính. Xử lý được số liệu trong luận án tốt nghiệp cao học.

Tăng cường khả năng tư duy và khả năng làm việc theo nhóm.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết	
		LT	TH
1	Một số phần mềm thống kê thông dụng, ưu nhược điểm. Cài đặt phần mềm <i>SPSS</i> trên vi tính.	2	1
2	Thiết kế một cơ sở dữ liệu. Kiểm tra tính toán vẹn dữ liệu, các sai số khi xử lý thống kê.	2	1
3	Mã hóa dữ liệu. Thực hiện các thao tác cơ bản trên dữ liệu.	4	2
4	Thống kê mô tả, các tham số của quần thể. Các tham số của mẫu, tính các tham số mẫu trên <i>SPSS</i> . Phân phối mẫu, tổ chức đồ tằm suất. Ý nghĩa của	3	1

	các tham số.		
5	Ước lượng trung bình, phương sai, ước lượng xác suất, <i>OR</i> , <i>RR</i> , hệ số tương quan tuyến tính bằng phần mềm <i>SPSS</i> .	2	2
6	Xây dựng đường cong <i>ROC</i> tìm điểm cắt trong chẩn đoán y học.	2	1
7	Kiểm định giả thiết thông kê: So sánh hai kỳ vọng, so sánh phương sai, <i>ANOVA</i> one way, <i>ANOVA</i> two way. Thực hiện trên máy tính.	2	1
8	So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra độc lập giữa các dấu hiệu định tính. Kiểm định chuẩn. Cách xử lý khi dữ liệu không tuân theo luật chuẩn.	2	1
9	Tiêu chuẩn <i>Kolmogorov</i> , Kiểm định theo dấu, Kiểm định <i>Wilcoxon</i> , kiểm định hạng theo dấu, <i>Kruskal – Wallis</i> , kiểm định đoạn mạch.	2	1
10	Tương quan đa biến, ma trận tương quan, hệ số tương quan riêng. Lập đường hồi quy đa biến trên máy tính.	2	1
11	Hồi quy <i>logistic</i> , hồi quy <i>logistic</i> đa biến ứng dụng dự báo xác suất mắc bệnh thông qua các chỉ số xét nghiệm.	3	1

12	Tương quan giữa các biến định tính. Hệ số tương quan Q , hệ số tương quan F . Hệ số <i>Pearson P</i> . Hệ số <i>Kramer K</i> . Ý nghĩa.	2	1
13	Hệ số tương quan hạng <i>Sperman</i> , hệ số tương quan theo <i>Kendall</i> . Kiểm định tương quan theo, kiểm định sự độc lập bằng <i>SPSS</i> .	2	1
TỔNG		30	15

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Lý thuyết: Giáo viên Thuyết trình, vấn đáp, học viên tự nghiên cứu tài liệu.

Thực hành: Học viên tự làm bài tập, thao tác trên phần mềm SPSS dưới sự hướng dẫn của GV.

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

Tài liệu học tập:

Bài giảng môn Toán tin ứng dụng, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2014.

Tài liệu tham khảo:

1. *Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê Y học (dùng cho học viên sau đại học)*, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2014.
2. Lê Cự Linh, *Thống kê y tế công cộng (Phần thống kê cơ bản)*, NXB Y học, 2009.
3. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Giáo dục, 2002.
4. Nguyễn Ngọc Rạng, *Thiết kế nghiên cứu và thống kê y học*, NXB Y học, 2012.
5. Phạm Việt Cường, *Thống kê y tế công cộng (Phần phân tích số liệu)*, NXB Y học, 2009.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO DẠY HỌC

Giảng đường có bảng, phấn, máy chiếu; đảm bảo đầy đủ bàn ghế phù hợp với số lượng học viên. Học viên thực hành tại giảng đường trên máy tính cá nhân đã được cài đặt phần mềm SPSS.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành: 1 bài xử lý dữ liệu trên máy tính (*hệ số 1*).

Thi hết học phần: 1 bài vấn đáp (*hệ số 2*).

B. CÁC MÔN CƠ SỞ VÀ HỖ TRỢ
ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Mã số: YHNC. 512

Số ĐVHT: 3(2.1) Số tiết học : 45 (2,1)

Số chứng chỉ : 1

Chịu trách nhiệm giảng dạy:

Đơn vị Phương pháp Nghiên cứu khoa học, Trường ĐHY Hải Phòng

1. GS.TSKH. Nguyễn Văn Hiếu, Đại học Y Hải phòng.
2. PGS.TS. Phạm Văn Hán, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y Hải phòng.
3. PGS.TS. Chu Văn Thăng, Đại học Y Hà nội
4. PGS.TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y Hải Phòng
5. PGS. TS. Phạm Minh Khuê, Khoa Y tế công cộng, Đại học Y Hải Phòng

Mục tiêu môn học: *Sau khi học xong môn này, học viên có khả năng:*

1. Viết được một đề cương nghiên cứu khoa học đúng qui trình
2. Áp dụng được các kiến thức về thiết kế và thống kê y học.
3. Thu thập được các số liệu và viết báo cáo khoa học một cách hoàn chỉnh.

Nội dung môn học:

STT	Nội dung	Số giờ		
		TS	LT	TH
1.	Phương pháp chuẩn bị đề cương nghiên cứu khoa học	3	3	
2.	Tổng quan các loại thiết kế nghiên cứu dịch tễ học	5	3	2
3.	Phương pháp nghiên cứu cắt ngang	3	4	1
4.	Phương pháp nghiên cứu thuần tập	3	4	1
5.	Phương pháp nghiên cứu bệnh chứng	3	4	1
6.	Thử nghiệm lâm sàng ngẫu nhiên có đối chứng	3	2	1

7.	Quân thể mẫu nghiên cứu trong y học	3	2	1
8.	Lựa chọn các test thống kê thích hợp trong phân tích số liệu nghiên cứu y học	6	2	1
9.	Trình bày các kết quả nghiên cứu y học	6	4	1
10.	Cách viết một báo cáo khoa học (luận văn, luận án)	10	2	6
	Tổng cộng	45	30	15

Phương pháp dạy học:

1. Thuyết trình
2. Thảo luận nhóm
3. Nghiên cứu và nêu vấn đề

Phương pháp lượng giá:

Tự viết các bước của thiết kế nghiên cứu và triển khai, viết báo cáo khoa học và trình bày trong thảo luận nhóm.

Tài liệu học tập:

1. Bài giảng Dịch tễ và thống kê trong nghiên cứu khoa học. Khoa YTCC, Trường đại học Y Dược Hải Phòng
2. Dịch tễ học, Trường đại học Y Hải Phòng 2012

Tài liệu tham khảo:

1. Dịch tễ và thống kê trong nghiên cứu khoa học, nhà xuất bản Y học – Hà Nội 1999
2. Dương Đình Thiện. Dịch tễ học lâm sàng, nhà xuất bản Y học Hà Nội 1997.
3. Nghiên cứu khoa học y học / Lưu Ngọc Hoạt. - H. : Y học, 2016. - 99tr. ; 27cm. Tập 2 : Phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu / Lưu Ngọc Hoạt. - 99tr.
4. Nghiên cứu khoa học y học. - Tái bản lần 1 có bổ sung. - H. : Y học, 2016. - 185tr. ; 27cm. Tập 1 : Phương pháp viết đề cương nghiên cứu. - 185tr.
5. Dịch tễ học : Sách đào tạo sau đại học / Vũ Thị Hoàng Lan. - H. : Y học, 2011. - 202 tr. : minh hoạ ; 27 cm
6. Dịch tễ học các bệnh kiểm dịch quốc tế / Nguyễn Văn Hiếu. - H. : Y học, 1998. – 228tr ; 19cm.

7. Dịch tễ học lâm sàng : T.1. - H. : Y học, 2006. – 261tr. : Hình vẽ
8. Dịch tễ học lâm sàng : T1 / Dương Đình Thiện. - H. : Y học, 1997. - 247 tr. ; 24 cm
9. Dịch tễ học lâm sàng : Tập 2. - H. : Y học, 2004. – 347tr. : hình vẽ, bảng
10. Dịch tễ học liệt mềm cấp do vi rút đường ruột ở trẻ em miền Bắc, Việt Nam : Sách chuyên khảo. - H. : Y học, 2016. - 95tr. ; 27cm
11. Dịch tễ học một số bệnh thường gặp / Nguyễn Văn Hiếu. - H. : Y học, 1996. - 237 tr. ; 24 cm
12. Dịch tễ học từng bệnh Dương Đình Thiện / Hoàng Tích Mịch. - H. : Y học, 1981. - 211 tr. ; 21 cm
13. Epidémiologie principes et méthodes quantitatives. - Paris : Inserm, 1993. - 498p. ; 19 cm
14. Basic epidemiology / Beaglehole, R.. - Geneva : WHO, 1993. - 175p. ; 19cm
15. Biostatics and epidemiology : Armen Khachatryan, M.D.. - McGraw - Hill : Health professions division, 1998. - 111 tr. ; 19 cm.

Đề cương môn học:

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Mã số: YHPP. 513

Số đơn vị học trình : 3 (2,1)

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn phương pháp - Đại học Y Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Nguyễn Thị Dung - Trường đại học Y Hải Phòng
2. TS. Nguyễn Thị Thông - Trường đại học Y Hải Phòng
3. PGS.TS Nguyễn Văn Mùi - Trường đại học Y Hải Phòng

A. MÔ TẢ MÔN HỌC:

- Các bác sĩ sau khi tốt nghiệp chương trình thạc sĩ Y học phải tham gia giảng dạy ở các trường đại học, trung học y tế hoặc tại các bệnh viện.

- Trong quá trình đào tạo đại học, sinh viên chưa được học phương pháp giảng dạy. Vì vậy rất cần bổ xung những kiến thức này cho các học viên trong chương trình đào tạo thạc sĩ. Nội dung môn học gồm 5 chương:

Chương 1: Giới thiệu môn học

Chương 2: Xác định được mục tiêu học tập

Chương 3: Một số phương pháp dạy học hiện nay:

Chương 4. Phương pháp lượng giá

Chương 5: Viết kế hoạch bài giảng

B. MỤC TIÊU HỌC TẬP : Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

1. Trình bày được các phương pháp dạy/ học truyền thống và tích cực.
2. Trình bày các phương pháp lượng giá/ đánh giá khách quan.
3. Chuẩn bị được một kế hoạch bài giảng và giảng một bài theo một trong những phương pháp dạy/ học tích cực.

C. NỘI DUNG

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết học		
		Tổng số	LT	TH
1	Giới thiệu môn học + Các khuynh hướng mới trong GDYH + Đặc điểm của PPDHTC	2	2	0
2	Xác định được mục tiêu học tập + Xác định mục tiêu học tập + Cách viết mục tiêu học tập	5	4	1
3	Một số phương pháp dạy học hiện nay: Dạy/học bằng phương pháp thảo luận nhóm + Khái niệm về phương pháp dạy/học bằng phương pháp thảo luận nhóm + Cách chia nhóm + Vai trò của người điều hành thảo luận nhóm. + Vai trò từng thành viên tham gia thảo luận nhóm + Lượng giá bài học Dạy/học bằng bảng kiểm + Phương pháp xây dựng bảng kiểm dùng trong dạy học. + Áp dụng bảng kiểm trong bài giảng lý thuyết + áp dụng bảng kiểm trong thực hành lâm sàng + Áp dụng bảng kiểm trong đánh giá thực hành tay nghề.	23	14	9

	<ul style="list-style-type: none"> + Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học Đạy/học bằng phương pháp đóng vai + Cách phân vai trong dạy/học + Vai trò của thầy trong dạy học bằng phương pháp đóng vai. + Vai trò của học viên trong dạy học bằng phương pháp đóng vai. + Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học Đạy/học bằng phương pháp nghiên cứu từng case + Phương pháp phân tích trường hợp. + Phương pháp lượng giá học viên sau buổi học 			
4	<ul style="list-style-type: none"> Phương pháp lượng giá + Phương pháp thi viết cổ điển + Phương pháp thi trắc nghiệm + Phương pháp thi chạy trạm + Lượng giá lý thuyết + Lượng giá thực hành 	12	8	4
5	<ul style="list-style-type: none"> Lượng giá thực hành + Chuẩn bị tài liệu viết kế hoạch bài giảng + Các bước tiến hành viết kế hoạch bài giảng 	3	2	1
	Tổng cộng	45	30	15

D. TÀI LIỆU HỌC TẬP:

Giáo trình dạy/học tích cực và lượng giá sinh viên, Trường Đại học Y Hà Nội

E. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

1. Phương pháp dạy/học : Áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- + Lý thuyết
- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.
- + Bài tập :
- Thiết kế một kế hoạch bài giảng
- Xây dựng câu hỏi lượng giá sau bài học

2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ.

1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F, QROC, QCM
3. Trình bày một kế hoạch bài giảng

2. Cách tính điểm môn học:

1. Số lần kiểm tra:	2	Trọng số	LT 0,2
			TH 0,2
2. Số lần thi hết môn:	1	Trọng số	0,6
		Tổng trọng số	1,0

Cách tính điểm môn học

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKTLT} * 0,2) + (\text{ĐKTTH} * 0,2) + (\text{ĐT} * 0,6)$$

Đề cương môn học:

SINH LÝ

Mã số: YHSL.521

Số ĐVHT: 2 LT: 2 TH: 0

Số tiết: 30 LT: 30 tiết TH: 0

Số lần thi: 1

Số chứng chỉ: 1

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Sinh lý - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS.TS. Nguyễn Văn Mùi- Bộ môn Sinh lý – Trường Đại học Y Hải Phòng.
2. GS.TS. Nguyễn Trường Sơn - Viện Y học biển

I. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn Sinh lý là môn cần thiết để giảng cho bác sỹ, là một trong các môn cơ sở, nền tảng cho việc học các môn chuyên ngành.

Môn học này trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại, áp dụng cho các môn chuyên ngành nội trong việc chẩn đoán và điều trị bệnh.

Một số nội dung đã được học ở bậc đại học thì ở bậc học này học viên được bổ sung kiến thức, được cập nhật và nâng cao.

II. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Sau khi kết thúc khóa học, học viên có khả năng:

- Trình bày được các kiến thức cơ bản và cập nhật kiến thức mới trong chuyên ngành Sinh lý học.
- Vận dụng được kiến thức sinh lý vào chuyên ngành của mình để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng.

III. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Nội dung	Số tiết	
		Lý thuyết	Thực hành
1	Sinh lý học quá trình cân máu	2	0
2	Điều hòa pH máu	2	0
3	Tuần hoàn mạch vành	3	0
4	Thông khí phổi, chức năng phổi	3	0
5	Chức năng tụy ngoại tiết, quá trình bài tiết dịch tụy	2	0
6	Chức năng thận, thăm dò chức năng thận	2	0
7	Sinh lý học chuyển hóa canxi, phospho, calcitonin	3	0
8	Quá trình AMP vòng	2	0
9	Sinh lý hệ tiêu hóa	3	0
10	Quá trình xơ vữa động mạch	3	0
11	Huyết động học một số bệnh tim mạch phải: hẹp hai lá, hở chủ	2	0
12	Huyết động học một số bệnh tim bẩm sinh: Fallot, thông liên nhĩ, thông liên thất	3	0
	Tổng	30	0

IV. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

- Thuyết trình ngắn bằng các phương pháp nghe nhìn hiện đại.
- Thảo luận nhóm.
- Bài tập tình huống.
- Câu hỏi lựa chọn

V. TÀI LIỆU HỌC TẬP

- Bài giảng Sinh lý học (1990). NXB Y học Hà Nội.
- Thực tập Sinh lý học, Bộ môn Sinh lý – Đại học Y Hải Phòng.
- Chuyên đề sinh lý học (1996).NXB Y học Hà Nội.
- Bài giảng sinh lý học sau đại học (1996). Tập 1, NXB. QĐND Hà Nội.
- Bài giảng sinh lý học sau đại học (1999). Tập 2, NXB. QĐND Hà Nội.
- Sinh lý học Tập I (2002). NXB. QĐND Hà Nội.
- Sinh lý học Tập 2 (2004). NXB. QĐND Hà Nội.
- Guyton A.C., Hall J.E. (1996). Textbook of Medical Physiology, 9th ed., W.B. Saunders Company, Philadelphia.

VI. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

- Đánh giá ban đầu : pháp vấn, bài kiểm tra viết ngắn
 - Đánh giá thường xuyên: pháp vấn, bài kiểm tra viết ngắn
- Đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện để thi hết học phần.
- Đánh giá hết học phần: thi viết tự luận

Cách tính điểm môn học: là điểm thi tự luận

VII. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Phòng học có đủ máy chiếu, phấn bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng học viên.
- Các máy móc, phương tiện phục vụ dạy học như máy điện tim, máy đo thông khí phổi, huyết áp kế, máy huyết học,...

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

Sau môn học này học viên phải đạt được mục tiêu học tập.

- Hình thức kiểm tra và thi hết môn:
 - + Thi lý thuyết truyền thống
 - + Hệ câu hỏi Q.C.M
- Số lần kiểm tra:

1 lần kiểm tra lý thuyết	Trọng số	0,3
1 lần thi hết môn gồm:		
Thi lý thuyết	Trọng số	0,7
	Tổng	1

- Cách tính điểm môn học:

$$\mathbf{ĐMH = (ĐKTLT*0,3) + (ĐT*0,7)}$$

Đề cương môn học:
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC MIỄN DỊCH LÂM SÀNG - SINH LÝ BỆNH

1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC

Mã số: YHSB.528

Tổng số đơn vị học trình: 4 Lý thuyết: 4 Thực hành: 0

Phân bố thời gian (tiết):60 Lý thuyết: 60 Thực hành: 0

Đối tượng học viên (dự kiến): Bác sỹ nội trú Nội

Số lần kiểm tra: 02

Số chứng chỉ: 01

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Sinh lý bệnh - Miễn dịch

Giảng viên tham gia giảng dạy:1.GS.TS Phạm Văn Thúc

2.PGS.TS Phạm Huy Quyến

3.PGS.TS.Phạm Văn Linh

2. MÔ TẢ MÔN HỌC

- Môn Miễn dịch - Sinh lý bệnh là môn cần thiết để giảng cho bác sỹ, là một trong những môn cơ sở, nền tảng cho việc giảng dạy các môn lâm sàng
- Môn học này trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống hiện đại, áp dụng cho các môn chuyên ngành trong việc chẩn đoán và điều trị bệnh
- Những nội dung đã được học ở bậc đại học, tại bậc học này học viên được bổ sung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao

3. MỤC TIÊU MÔN HỌC

Sau khi kết thúc khóa học, học viên có khả năng:

- Hệ thống được những kiến thức cơ sở và cập nhật kiến thức mới về miễn dịch, sinh lý bệnh trong chuyên ngành

- Vận dụng các kiến thức miễn dịch vào chuyên ngành của mình để nâng cao chất lượng chẩn đoán, điều trị, dự phòng

4. NỘI DUNG MÔN HỌC

STT	Chủ đề	Số tiết học	
		Lý thuyết	Thực hành
1.	Một số khái niệm cơ bản và hiện đại về các bệnh dị ứng và tự miễn	4	0
2.	Một số phương pháp chính trong chẩn đoán đặc hiệu các bệnh dị ứng và bệnh tự miễn	4	0
3.	Những phương pháp cơ bản điều trị các bệnh dị ứng và bệnh tự miễn	4	0
4.	Phát hiện, chẩn đoán đặc hiệu và điều trị dị ứng thuốc	4	0
5.	Chẩn đoán và điều trị đặc hiệu bệnh hen phế quản	4	0
6.	Các xét nghiệm miễn dịch trong chẩn đoán một số bệnh tự miễn	4	0
7.	Cơ chế bệnh sinh của bệnh Cushing, Basedow, đái tháo đường	3	0
8.	Cơ chế bệnh sinh của hen phế quản, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	4	0
9.	Cơ chế bệnh sinh của loét dạ dày - tá tràng	3	0
10.	Cơ chế bệnh sinh của Leucemie, xuất huyết giảm tiểu cầu	3	0
11.	Cơ chế bệnh sinh của viêm gan mạn, xơ gan	3	0
12.	Cơ chế bệnh sinh của xơ vữa động mạch	4	0
13.	Cơ chế bệnh sinh của viêm cầu thận cấp, viêm cầu	4	0

	thận mạn		
14.	Cơ chế bệnh sinh của rối loạn thăng bằng kiềm toan	4	0
	Tổng	60	0

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

5.1. Phương pháp dạy

- Dạy theo từng mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học
- Một số nội dung cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp

5.2. Phương pháp học

Học viên lên lớp nghe giảng và tham gia trao đổi, thuyết trình, thảo luận nhóm

6. TÀI LIỆU DẠY HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Bài giảng Sinh lý bệnh : Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn (Lưu hành nội bộ)
- Bài giảng Hóa sinh - Dị ứng - Miễn dịch lâm sàng : Bộ môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch trường Đại học Y Dược Hải Phòng biên soạn (Lưu hành nội bộ)

6.2. Tài liệu tham khảo

1. Miễn dịch học (giáo trình giảng dạy của bộ môn Miễn dịch Sinh lý bệnh – Trường Đại học Y Hà Nội – Nhà xuất bản y học 2011)
2. Sinh lý bệnh bệnh học – (Sách giáo trình giảng dạy của bộ môn Sinh lý bệnh – Miễn dịch-Trường Đại học Y Hà Nội – Nhà xuất bản y học 2008)
3. Pathophysiology – Seventh edition – ELSEVIER
4. Ivan Roitt: Essential immunology (bản dịch của bộ môn Miễn dịch – Sinh lý bệnh Trường Đại học Y Hà Nội, dùng cho tập huấn chuyên ngành Miễn dịch học các trường Đại học Y toàn quốc 1992)

5. Deboeck Universite': Immunologie

6. Medscape.com & msdmanuals.com : "thuvienykhoa.com", "hpmulib.vn"

7. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

7.1. Thi lý thuyết:

- **Đánh giá ban đầu.**

+ Hình thức: đặt ra một số câu hỏi ngắn để đánh giá kiến thức của học viên về môn Sinh lý bệnh - Miễn dịch đã học ở bậc đại học

+ Yêu cầu: học viên nhớ - hiểu các kiến thức của môn học Sinh lý bệnh - Miễn dịch đã học ở bậc đại học

- **Đánh giá quá trình:** học viên có 1 bài kiểm tra điều kiện điểm đạt từ 5,0 trở lên

- **Đánh giá cuối kỳ:** học viên cần tham dự đủ các buổi học và có đủ 1 bài kiểm tra điều kiện

+ Hình thức thi: tự luận

+ Thời lượng thi: 120 phút

+ Yêu cầu: điểm tổng kết học phần cần đạt từ 5,0 trở lên. Nếu học viên không đạt sẽ được tổ chức thi lần 2. Học viên tham gia dưới 80% số giờ học hoặc thi lần 2 không đạt sẽ phải học lại.

7.2. Cách tính điểm học phần:

Kiểm tra 1 (ĐKT1): Trọng số: 0,3

Thi hết môn: (ĐTHM): Trọng số: 0,7

Tổng trọng số: 1,0

Điểm tổng kết được tính theo công thức:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKT1} * 0,3) + (\text{ĐTHM} * 0,7)$$

8. CHUẨN BỊ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Giảng đường có máy chiếu, phân bảng và có đủ bàn ghế phù hợp số lượng học viên

Đề cương môn học:
UNG THƯ - GIẢI PHẪU BỆNH

Mã số môn học: YHUG. 593
Số ĐVHT: 5(3,2)

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn U bướu - Đại học Y Dược Hải Phòng.

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS.BSCK2. Nguyễn Lam Hoà - Trưởng Bộ môn U bướu -Đại học Y Dược Hải Phòng- Giám đốc trung tâm U bướu Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng.
2. BSCK2. Nguyễn Đình Giang - Phó Giám đốc TT ung bướu Hải Phòng.
3. TS. Ngô Quang Dương - Trưởng bộ môn Giải phẫu bệnh - Đại học Y Dược Hải Phòng
4. ThS.GVC. Phạm Văn Tuy - Phó trưởng bộ môn Giải phẫu bệnh - Đại học Y Dược Hải Phòng

A. MÔ TẢ MÔN HỌC

Ung thư - Giải phẫu bệnh là một môn học rất cần thiết đối với các thầy thuốc sản phụ khoa. Các thầy thuốc sản phụ khoa phải nắm chắc kiến thức, hình ảnh bệnh lý trên cơ sở giải phẫu mới có thể tiến hành được các phẫu thuật, thủ thuật.

Trong quá trình học đại học, sinh viên đã được trang bị những kiến thức cơ bản về ung thư, giải phẫu bệnh. Trong quá trình học Nội trú ngoại khoa, học viên cần được trang bị thêm những kiến thức chuyên sâu về ung thư, giải phẫu bệnh để thực hiện được các thủ thuật và các phẫu thuật ngoại khoa.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC :

Sau khi học xong môn học này, học viên có khả năng:

1. Nhận định được những tổn thương cơ bản của ung thư.

2. Vận dụng mô bệnh học để chẩn đoán tổn thương trên lâm sàng.
3. Xử trí đúng đối với những bệnh ung thư thường gặp.

C. NỘI DUNG:

Tên bài	Số tiết học		
	Chung	LT	TH
1. Khái niệm cơ bản: khái niệm cơ bản, nguyên nhân gây ung thư	2	2	0
2. Dự phòng ung thư	3	3	3
3. Chẩn đoán và điều trị ung thư	9	9	3
4. Giải phẫu bệnh ung thư các cơ quan: hệ hô hấp , cơ quan sinh dục, cơ quan tiêu hóa, cơ, xương, khớp:	12	12	3
5. Mô ghép: khái niệm chung về mô ghép, ứng dụng mô ghép trong điều trị	3	3	3
6. Ung thư các cơ quan: hệ hô hấp, cơ quan sinh dục, cơ quan tiêu hóa, cơ, xương, khớp:	15	15	3
Tổng	75	45	15

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Thuyết trình
2. Mô hình
3. Seminar
4. Thảo luận nhóm

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Trường Đại học Y khoa Hà Nội. Bài giảng giải phẫu bệnh
2. Trường Đại học Y khoa Hà Nội. Bài giảng Ung thư học
3. Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập:

- Kính hiển vi có màn hình
- Máy tia xạ, sinh thiết tế bào học.
- Các dụng cụ, hoá chất chuẩn bị phục vụ lấy mẫu tiêu bản chẩn đoán nhanh.

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Hình thức kiểm tra và thi hết môn

1. Thi lý thuyết truyền thống
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi T/F; QCM.

2. Cách tính điểm môn học

- Kiểm tra lý thuyết 1 lần	Trọng số	0,2
- Kiểm tra thực hành 1 lần	Trọng số	0,3
- Thi hết môn	Trọng số	0,5
	Tổng số	1,0

1. Cách tính điểm môn học

$$\mathbf{\text{Đ.M.H} = (\text{ĐKTLT} \cdot 0,2) + (\text{ĐTTH} \cdot 0,3) + (\text{ĐTLT} \cdot 0,5)}$$

Đề cương môn học:

HỒI SỨC CẤP CỨU

Mã số môn học: YHHS. 571

Số ĐVHT: 5(2,3)

Mã số: YHHS.571

Tổng số học trình: 5

Lý thuyết: 2

Thực hành: 3

Số tiết học: 75

Lý thuyết: 30

Thực hành: 45

Số lần kiểm tra: 2

Số chứng chỉ: 1

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội - Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS Nguyễn Thị Dung - Phó trưởng bộ môn Nội - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
2. TS. Trần Thanh Cảng - Trưởng khoa Hồi sức Nội bệnh viện Việt - Tiệp Hải Phòng.
3. BS CKII Nguyễn Thăng Toàn - Trưởng khoa Hồi sức Ngoại Bệnh viện Việt - Tiệp Hải Phòng.

A. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn hồi sức nội là môn có liên quan với các môn học chuyên ngành nội khoa trong chẩn đoán và điều trị bệnh. Môn học này nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản có hệ thống hiện đại và kỹ năng thực hành giúp cho việc chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa đầy đủ và hoàn chỉnh nhất. Những nội dung chưa được học và những nội dung đã học ở bậc đại học tại bậc học này học viên được bổ xung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao.

B. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Lý thuyết:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản trong lĩnh vực HSCC như suy hô hấp cấp, suy tuần hoàn cấp, suy thận cấp, cấp cứu ngừng tim phổi ...

Lâm sàng:

- Thực hành cấp cứu ngừng tim phổi ở ngoài khoa HSCC, theo dõi được bệnh nhân thở máy, trên Monitoring, theo dõi bệnh nhân chạy thận nhân tạo.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Lý thuyết	Thực hành
1.	Suy hô hấp cấp	4	6
2.	Ngừng tuần hoàn	4	6
3.	Shock	4	5
4.	Suy thận cấp	4	6
5.	Rối loạn thăng bằng nước, điện giải và acid - bazơ	4	8
6.	Theo dõi và chăm sóc bệnh nhân hôn mê	4	6
7.	Ngộ độc cấp	6	8
8.	Thực hành các thủ thuật: - Đặt nội khí quản. - Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm. - Cấp cứu ngừng tim – phổi. - Vận hành máy thở. - Lấy khí máu động mạch		
Tổng		30	45

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

1. Thuyết trình ngắn bằng các phương pháp nghe nhìn hiện đại.
2. Thảo luận nhóm.
3. Bài tập tình huống.
4. Hệ câu hỏi lựa chọn.
5. Trường hợp lâm sàng.

E. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

+ Thi lý thuyết

- Điều kiện thi lý thuyết: học viên phải tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, nếu nghỉ quá 20% số thời gian quy định sẽ không được dự thi hết học phần. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá lý thuyết bằng hình thức thi viết truyền thống, học viên trình bày những hiểu biết của mình về chẩn đoán và xử trí vấn đề hồi sức cấp cứu theo quan điểm mới, hiện đại. Bài viết lý thuyết được chấm độc lập 2 vòng bởi 2 giảng viên có trình độ từ Tiến sĩ trở lên và tính điểm theo quy định hiện hành theo thang điểm 10 cho mỗi câu hỏi.

+ Thi lâm sàng:

- Điều kiện thi lâm sàng: học viên phải tham gia đầy đủ thực hành tại bệnh viện, trực đầy đủ và thực hiện đầy đủ thủ thuật theo yêu cầu của bộ môn. Nếu nghỉ quá 10% thời gian thực hành sẽ không được dự thi. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá thực hành theo phương pháp thi vấn đáp trực tiếp giữa học viên và 02 cán bộ hỏi thi về các vấn đề liên quan đến lập luận chẩn đoán, xử trí, tiên lượng bệnh nhân trong khoa hồi sức cấp cứu đã được bốc thăm ngẫu nhiên trước đó.

+ Thi tay nghề:

- Học viên được lượng giá kỹ năng thủ thuật Hồi sức cấp cứu bởi 02 cán bộ chăm thi trực tiếp kỹ năng tiến hành trên 1 bệnh nhân cụ thể, dựa vào bảng kiểm.

F. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:

+ Giảng đường.

+ Máy chiếu.

+ Bảng.

+ Loa đài, micro.

- Thực hành:

+ Mô hình.

+ Dụng cụ, trang thiết bị tiến hành trực tiếp trên người bệnh

+ Video mẫu

G. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY – THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Bài giảng Bệnh học Nội khoa (sau đại học) tập 1 và 2 - Bộ môn Nội, Đại học Y Hải Phòng năm 2008
2. Nội khoa Tập I, tập II, Bộ môn Nội ĐHYHP - tài liệu lưu hành nội bộ.
3. Hồi sức cấp cứu toàn tập T1, T2, Vũ Văn Đính, năm 1998.
4. Cấp cứu một số nhiễm độc cấp thường gặp, Vũ Đình Hải, Nguyễn Văn Tiệp, NXBYH 1994.
5. Bệnh hô hấp, Bùi Xuân Tám, NXBYH 1999.
6. Xử trí cấp cứu nội khoa, Vũ Văn Đính, Nguyễn Thị Dụ
7. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa, Bộ Y Tế, Bệnh viện Bạch Mai, chủ biên PGS.TS Ngô Quý Châu và TS Nguyễn Quốc Anh. NXB Y Học năm 2011.

8. Hồi sức cấp cứu tiếp cận theo phác đồ, 2012, sách dịch, PGS.TS. Nguyễn Đạt Anh, PGS.TS Đặng Quốc Tuấn

TÀI LIỆU TIẾNG ANH

1. Harrison's Principles of Internal Medicine 17th edition (Self - Assessment and Board Review) - Wiener , Fauci, Braunwald, Kasper, Hauser, Longo, Jameson, Loscalzo. Nhà xuất bản: "Mc Graw Hill Medical" năm 2008
2. The Washington Manual of Critical Care 2nd edition – Marin Kollef , Warren Isakow. Nhà xuất bản "Wolters Kluwer, Lippincott Williams and Wilkins" , năm 2008

Đề cương môn học:

TRUYỀN NHIỄM

Số đơn vị học trình: 5

Số tiết học: 75 (LT: 45; TH: 30)

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS.TS. Bùi Vũ Huy- Phó Chủ Nhiệm Bộ Môn Truyền Nhiễm –Đại Học Y Hà Nội
2. TS. Đỗ Duy Cường - Khoa Truyền Nhiễm-BV Bạch Mai
3. TS. Vũ Hải Vinh - Khoa Truyền Nhiễm BV Việt Tiệp
4. ThS. Phạm Thị Vân Anh - Phó Trưởng Bộ Môn Truyền Nhiễm ĐHYHP
5. ThS. Trần Thị Liên - BM Truyền Nhiễm ĐHYHP
6. ThS.Ngô Anh Thế - Phó Khoa Truyền Nhiễm - Bệnh Viện Việt Tiệp

A. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn Truyền Nhiễm là môn có liên quan chặt chẽ với chuyên ngành nội trong chẩn đoán và điều trị bệnh

Môn học này trang bị cho các học viên những kiến thức cơ bản, cập nhật và những kỹ năng thực hành giúp cho việc chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa đầy đủ và hoàn chỉnh nhất.

B. MỤC TIÊU HỌC TẬP

Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có khả năng:

1. Lý thuyết

- 1.1. Trình bày được những đặc điểm dịch tễ học chính của một số bệnh truyền nhiễm thường gặp.
- 1.2. Trình bày được những điểm cơ bản về cơ chế bệnh sinh của các bệnh truyền nhiễm thường gặp
- 1.3. Mô tả được các triệu chứng lâm sàng và các xét nghiệm chính trong các bệnh truyền nhiễm thường gặp

1.4. Trình bày được nguyên tắc chẩn đoán các bệnh truyền nhiễm thường gặp

1.5. Trình bày được các nguyên tắc điều trị và phòng ngừa các bệnh truyền nhiễm thường gặp.

2. Thực hành

2.1. Chẩn đoán và xử trí được các bệnh truyền nhiễm thường gặp

2.2. Thực hiện triển khai được phòng bệnh tại cộng đồng

C. NỘI DUNG

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ TIẾT	
		LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH
1	Viêm màng não do vi khuẩn 1.1. Dịch tễ học 1.2. Sinh lý bệnh 1.3. Lâm sàng 1.4. Điều trị 1.5. Phòng bệnh	5	3
2	Viêm não 2.1. Dịch tễ học 2.2. Sinh lý bệnh 2.3. Lâm sàng 2.4. Điều trị 2.5. Phòng bệnh	5	3
3	Nhiễm HIV/AIDS 3.1. Dịch tễ học 3.2. Sinh lý bệnh 3.3. Lâm sàng 3.4. Điều trị 3.5. Phòng bệnh	7	3
4	Nhiễm khuẩn huyết 4.1. Dịch tễ học 4.2. Sinh lý bệnh 4.3. Lâm sàng 4.4. Điều trị 4.5. Phòng bệnh	7	3
5	Quai bị	4	3

	5.1. Dịch tễ học 5.2. Sinh lý bệnh 5.3.Lâm sàng 5.4. Điều trị 5.5.Phòng bệnh		
6	Thủy đậu 6.1. Dịch tễ học 6.2. Sinh lý bệnh 6.3.Lâm sàng 6.4. Điều trị 6.5.Phòng bệnh	3	3
7	Viêm gan do vi rút 7.1. Dịch tễ học 7.2. Sinh lý bệnh 7.3.Lâm sàng 7.4. Điều trị 7.5.Phòng bệnh	6	3
8	Uốn ván 8.1. Dịch tễ học 8.2. Sinh lý bệnh 8.3.Lâm sàng 8.4. Điều trị 8.5.Phòng bệnh	4	3
9	Sốt rét 9.1. Dịch tễ học 9.2. Sinh lý bệnh 9.3.Lâm sàng 9.4. Điều trị 9.5.Phòng bệnh	4	3
10.	Hướng dẫn sử dụng kháng sinh trong lâm sàng	5	
	TỔNG	45	30

D.TÀI LIỆU DẠY HỌC

1. Tài liệu học tập- Bộ Môn Truyền Nhiễm Trường Đại Học Y Hải Phòng
2. Bộ môn Truyền Nhiễm trường Đại Học Y Hà Nội. 2011. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm. Nhà xuất bản y học.
3. Bùi Đại- Bệnh Học Truyền Nhiễm- Nhà Xuất Bản Y Học.

E. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm, ĐHYD TP Hồ Chí Minh năm 2006
2. Bài giảng Bệnh Truyền Nhiễm ĐHY Hà Nội. Nhà xuất bản Y Học năm 2011
3. Bài giảng Truyền Nhiễm. Bùi Đại
4. Bệnh Học Truyền Nhiễm. Học Viện Quân Y.
5. Mandell, Douglas and Bennett's Principles and Practice of Infectious Diseases: 2-Volume Set, 8E 8th edition.
6. <https://www.uptodate.com/home>

F. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học: Áp dụng phương pháp dạy học tích cực

+ Lý thuyết:

- Dạy học theo mục tiêu
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa trên các tài liệu sẵn có và sự hướng dẫn của giảng viên, sau đó trình bày, thảo luận trước lớp

+ Thực hành:

- Dựa trên mục tiêu cần đạt
- Thảo luận nhóm
- Nghiên cứu trường hợp
- Dạy học dựa trên vấn đề

G. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

Lý thuyết: thi viết truyền thống

Thực hành: bốc bệnh án, hỏi thi ca bệnh.

H. CHUẨN BỊ VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường
- Phấn, bảng
- Máy chiếu
- Máy tính xách tay
- Tài liệu phát tay
- Phòng bệnh
- Bệnh nhân

C. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TIM MẠCH

Mã số: YHTM.571

Tổng số học trình: 13 Lý thuyết: 4 Thực hành: 9

Số tiết học: 195 Lý thuyết: 60 Thực hành: 135

Số lần kiểm tra: 2

Số chứng chỉ: 1

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội – Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS Nguyễn Thị Dung – Phó trưởng bộ môn Nội – trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
2. PGS - TS. Lê Văn Thạch - Giám đốc BV Hữu nghị Hà Nội - Giảng viên kiêm chức Đại học Y Dược Hải Phòng.
3. BS CKII Nguyễn Bằng Phong - Trưởng khoa Tim mạch Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng - Giảng viên kiêm chức Đại học Y Dược Hải Phòng.

A. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học tim mạch nội khoa là một trong những môn chuyên môn cần thiết, cơ bản của ngành y nói chung và chuyên ngành nội nói riêng. Môn học này nhằm trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại và các kỹ năng chuyên ngành áp dụng để chẩn đoán, điều trị dự phòng các bệnh tim mạch

B. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Lý thuyết:

- Trình bày dịch tễ học, nguyên nhân, biểu hiện lâm sàng, xét nghiệm, biến chứng của các bệnh tim mạch.

- Trình bày chẩn đoán các bệnh tim mạch.
- Trình bày phương pháp điều trị, phòng bệnh các bệnh tim mạch.
- Trình bày phương pháp phòng bệnh tim mạch tại cộng đồng.
- Chẩn đoán được các bệnh tim mạch.
- Xử trí được các bệnh tim mạch.

Lâm sàng:

- Thực hiện được một số thủ thuật các bệnh tim mạch: ghi điện tim, kiến tập siêu âm tim, chọc dò màng tim, đặt máy tạo nhịp cấp cứu, nghiệm pháp gắng sức. ...
- Hướng dẫn phòng được các bệnh tim mạch tại cộng đồng.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Lý thuyết	Thực hành
1.	Các bệnh van hai lá do thấp tim	4	8
2.	Bệnh van động mạch chủ	3	8
3.	Các bệnh màng ngoài tim	3	8
4.	Các bệnh cơ tim	3	8
5.	Rối loạn chuyển hóa lipid và xơ vữa động mạch	3	8
6.	Tăng huyết áp	3	8
7.	Thiếu máu cơ tim	4	8
8.	Những rối loạn nhịp tim và rối loạn dẫn truyền	4	8
9.	Các bệnh tim bẩm sinh ở người lớn	3	8
10.	Viêm nội tâm mạc nhiễm khuẩn bán cấp (Osler)	3	7
11.	Suy tim	3	7
12.	Thấp tim	3	7

13.	Bệnh tim phổi mạn tính	3	7
14.	Thuộc chông loạn nhịp	3	7
15.	Thuộc điều trị tăng huyết áp	3	7
16.	Thuộc điều trị suy tim	3	8
17.	Điện tâm đồ trong hội chứng tăng gánh trong bệnh mạch vành và nhồi máu cơ tim	3	8
18.	Nguyên lý của phương pháp chẩn đoán bằng siêu âm. Hình ảnh siêu âm bình thường và một số bệnh tim mạch	4	7
19.	Thực hành các thủ thuật: - Đo CVP - Đọc Xquang tim - Truyền dịch - Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm - Kiến tập siêu âm tim - Doppler - Đặt nội khí quản - Chọc dò màng ngoài tim		

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

1. Thuyết trình ngắn bằng các phương pháp nghe nhìn hiện đại.
2. Nghiên cứu trường hợp.
3. Thảo luận nhóm.
4. Bài tập tình huống.
5. Hệ câu hỏi lựa chọn.
6. Trường hợp lâm sàng.

E. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

+ Thi lý thuyết

- Điều kiện thi lý thuyết: học viên phải tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, nếu nghỉ quá 20% số thời gian quy định sẽ không được dự thi hết học phần. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá lý thuyết bằng hình thức thi viết truyền thống, học viên trình bày những hiểu biết của mình về chẩn đoán và xử trí vấn đề bệnh tim mạch theo quan điểm mới, hiện đại. Bài viết lý thuyết được chấm độc lập 2 vòng bởi 2 giảng viên có trình độ từ Tiến sĩ trở lên và tính điểm theo quy định hiện hành theo thang điểm 10 cho mỗi câu hỏi.

+ Thi lâm sàng:

- Điều kiện thi lâm sàng: học viên phải tham gia đầy đủ thực hành tại bệnh viện, trực đầy đủ và thực hiện đầy đủ thủ thuật theo yêu cầu của bộ môn. Nếu nghỉ quá 10% thời gian thực hành sẽ không được dự thi. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá thực hành theo phương pháp thi vấn đáp trực tiếp giữa học viên và 02 cán bộ hỏi thi về các vấn đề liên quan đến lập luận chẩn đoán, xử trí, tiên lượng bệnh nhân trong khoa tim mạch đã được bốc thăm ngẫu nhiên trước đó.

+ Thi tay nghề:

Học viên được lượng giá kỹ năng thủ thuật tim mạch bởi 02 cán bộ chấm thi trực tiếp kỹ năng tiến hành trên 1 bệnh nhân cụ thể, dựa vào bảng kiểm.

F. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:

+ Giảng đường.

+ Máy chiếu.

+ Bảng.

+ Loa đài, micro.

- Thực hành:

+ Mô hình.

- + Dụng cụ, trang thiết bị tiến hành trực tiếp trên người bệnh
- + Video mẫu

G. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY – THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Bài giảng Bệnh học Nội khoa (sau đại học) tập 1 và 2 - Bộ môn Nội, Đại học Y Hải Phòng năm 2008
2. Nội khoa Tập I, tập II, Bộ môn Nội ĐHYHP - tài liệu lưu hành nội bộ.
3. Bài giảng bệnh học nội khoa sau đại học tập 1 - 1991. Học viện Quân Y.
4. Thuốc Tim mạch, Phạm Tử Dương, NXBYH 2000..
5. Một số vấn đề cập nhật trong chẩn đoán và điều trị bệnh Tim mạch 2007 - GS. Thạch Nguyễn (chủ biên dịch). NXB Y học, năm 2007.
6. Hướng dẫn đọc điện tim - GS. Trần Đỗ Trinh (chủ biên). NXB Y Học, năm 2000
7. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa - Bộ Y Tế, Bệnh viện Bạch Mai, chủ biên PGS.TS Ngô Quý Châu và TS Nguyễn Quốc Anh. NXB Y Học năm 2011

TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI

1. The Washington Manual of Critical Care 2nd edition – Marin Kollef , Warren Isakow. Nhà xuất bản “Wolters Kluwer, Lippincott Williams and Wilkins” , năm 2008
2. Current Diagnosis & Treatment Cardiology 3th edition - Michael H. Crawford, MD. Nhà xuất bản Mc Graw Hill Medical, năm 2009
3. Drugs for the heart 8th edition - Lionel H. Opie, MD, Dphil, DSc, FRCP. Nhà xuất bản Elsevier, năm 2011
4. Controversies in the management of heart failure - Andrew Coats. Nhà xuất bản Churchill Living Stone. Năm xuất bản 1997

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

HÔ HẤP

Mã số: YHHH.574

Tổng số học trình: 9 Lý thuyết: 3 Thực hành: 6

Số tiết học: 135 Lý thuyết: 45 Thực hành: 90

Số lần kiểm tra: 2

Số chứng chỉ: 1

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội – Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS. Trần Quang Phục - Phó Hiệu trưởng, trưởng Bộ môn Lao & Bệnh phổi ĐHYDHP.
2. PGS.TS. Ngô Quý Châu - Phó Giám đốc Bệnh viện Bạch Mai, phó trưởng Bộ môn Nội ĐHYHN.
3. TS. Nguyễn Thanh Hồi - Giám đốc bệnh viện Đa Khoa Quốc Tế Hải Phòng

A. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học hô hấp nội khoa là một trong những môn chuyên môn cần thiết, cơ bản của ngành y nói chung và chuyên ngành nội nói riêng. Môn học này nhằm trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại và các kỹ năng chuyên ngành áp dụng để chẩn đoán, điều trị dự phòng các bệnh hô hấp. Những nội dung chưa được học và những nội dung đã học ở bậc đại học tại bậc học này học viên được bổ xung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao.

B. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Lý thuyết:

- Trình bày giải phẫu, chức năng của bộ máy hô hấp.
- Trình bày chẩn đoán các bệnh hô hấp.
- Trình bày phương pháp điều trị phòng bệnh các bệnh hô hấp.
- Trình bày phương pháp phòng bệnh hô hấp tại cộng đồng.

Lâm sàng:

- Chẩn đoán được các bệnh hô hấp.
- Xử trí được một số cấp cứu bệnh hô hấp.
- Thực hiện được một số thủ thuật các bệnh Chọc dò màng phổi, khí dung phổi, mở màng phổi tối thiểu, nội soi khí quản. ...
- Hướng dẫn phòng được các bệnh hô hấp tại cộng đồng.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Lý thuyết	Thực hành
1.	Viêm phổi mắc phải ở cộng đồng và viêm phổi mắc phải ở bệnh viện	3	5
2.	Áp xe phổi	3	5
3.	Ung thư phổi	3	5
4.	Hen phế quản	3	5
5.	Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	3	5
6.	Bệnh bụi phổi	3	5
7.	Cập nhật các kỹ thuật chẩn đoán lao phổi	3	5
8.	Điều trị lao – Mycobacteriae không lao	3	5
9.	Nội soi và sinh thiết chẩn đoán bệnh hô hấp	3	5

10.	Các phương pháp thăm dò chẩn đoán bệnh lý hô hấp	3	5
11.	Những biến đổi CNHH trong một số bệnh lý hô hấp	3	5
12.	Thăm dò chẩn đoán bệnh màng phổi: sinh thiết màng phổi, nội soi lồng ngực	2	5
13.	Nội soi phế quản	2	6
14.	Dưỡng chấp lồng ngực	2	6
15.	Viêm mủ màng phổi	2	6
16.	Tràn khí màng phổi	2	6
17.	Di chứng dày dính và vôi hoá màng phổi	2	6
18.	Thực hành các thủ thuật: - Đọc phim Xquang quy ước, CT Scanner, MRI - Soi phế quản - Nhuộm soi đờm tìm BK - Chọc dò dịch màng phổi. - Chọc hút bơm rửa áp xe phổi. - Vỗ rung lồng ngực. - Khí dung		

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

1. Thuyết trình ngắn bằng các phương pháp nghe nhìn hiện đại.
2. Nghiên cứu trường hợp.
3. Thảo luận nhóm.
4. Bài tập tình huống.
5. Hệ câu hỏi lựa chọn.

E. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

+ Thi lý thuyết

- Điều kiện thi lý thuyết: học viên phải tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, nếu nghỉ quá 20% số thời gian quy định sẽ không được dự thi hết học phần. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá lý thuyết bằng hình thức thi viết truyền thống, học viên trình bày những hiểu biết của mình về chẩn đoán và xử trí vấn đề bệnh hô hấp theo quan điểm mới, hiện đại. Bài viết lý thuyết được chấm độc lập 2 vòng bởi 2 giảng viên có trình độ từ Tiến sĩ trở lên và tính điểm theo quy định hiện hành theo thang điểm 10 cho mỗi câu hỏi.

+ Thi lâm sàng:

- Điều kiện thi lâm sàng: học viên phải tham gia đầy đủ thực hành tại bệnh viện, trực đầy đủ và thực hiện đầy đủ thủ thuật theo yêu cầu của bộ môn. Nếu nghỉ quá 10% thời gian thực hành sẽ không được dự thi. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá thực hành theo phương pháp thi vấn đáp trực tiếp giữa học viên và 02 cán bộ hỏi thi về các vấn đề liên quan đến lập luận chẩn đoán, xử trí, tiên lượng bệnh nhân trong khoa hô hấp đã được bốc thăm ngẫu nhiên trước đó.

+ Thi tay nghề:

Học viên được lượng giá kỹ năng thủ thuật chuyên ngành hô hấp bởi 02 cán bộ chấm thi trực tiếp kỹ năng tiến hành trên 1 bệnh nhân cụ thể, dựa vào bảng kiểm.

F. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:

+ Giảng đường.

+ Máy chiếu.

+ Bảng.

+ Loa đài, micro.

- Thực hành:

+ Mô hình.

+ Dụng cụ, trang thiết bị tiến hành trực tiếp trên người bệnh

+ Video mẫu

G. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY – THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Bài giảng Bệnh học Nội khoa (sau đại học) tập 1 và 2 - Bộ môn Nội, Đại học Y Hải Phòng năm 2008
2. Nội khoa Tập I, tập II, Bộ môn Nội ĐHYHP - tài liệu lưu hành nội bộ.
3. Bệnh hô hấp, Bùi Xuân Tám, 2000. NXBYH.
4. Bài giảng bệnh học nội khoa sau đại học tập 1 - 1991. Học viện Quân Y.
5. Ung thư phổi, NXB Y học, 2008
6. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh nội khoa, Bộ Y Tế, Bệnh viện Bạch Mai, NXB Y học, 2011
7. Nội soi phế quản can thiệp - Bộ Y Tế, Bệnh viện Bạch Mai. NXB Y Học năm 2013
8. Nội soi phế quản lồng ngực - Bộ Y Tế, Bệnh viện Bạch Mai. Hà Nội năm 2012
9. Hướng dẫn xử trí các bệnh nhiễm trùng hô hấp dưới không do lao, NXB Y học, 2012
10. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh hô hấp, NXB Y học 2013

TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI

1. Pneumologie. Bernard Lebeau. Ellipses/Aupele.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIÊU HÓA

Mã số: YHTH.575

Tổng số học trình: 13

Lý thuyết: 4

Thực hành: 9

Số tiết học: 195

Lý thuyết: 60

Thực hành: 135

Số lần kiểm tra: 2

Số chứng chỉ: 1

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội – Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS. Phạm Văn Nhiên – Trưởng Bộ môn Nội ĐHYDHP.

2. BSCKII Ngô Văn Điển - Giảng viên Bộ môn Nội ĐHYDHP

A. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học tiêu hóa nội khoa là một trong những môn chuyên môn cần thiết, cơ bản của ngành y nói chung và chuyên ngành nội nói riêng. Môn học này nhằm trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại và các kỹ năng chuyên ngành áp dụng để chẩn đoán, điều trị dự phòng các bệnh tiêu hóa. Những nội dung đã học ở bậc đại học như bệnh viêm đại tràng, loét dạ dày - tá tràng, tại bậc học này học viên được bổ xung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao kỹ năng chẩn đoán, điều trị.

B. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Lý thuyết:

- Trình bày nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh của các bệnh tiêu hoá.
- Mô tả triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm các bệnh tiêu hóa.
- Trình bày phương pháp chẩn đoán các bệnh tiêu hóa.
- Trình bày phương pháp điều trị, phòng bệnh các bệnh tiêu hóa.

- Trình bày phương pháp phòng bệnh tiêu hóa tại cộng đồng.
- Chẩn đoán được các bệnh tiêu hóa.
- Điều trị được các bệnh tiêu hóa.

Lâm sàng:

- Thực hiện một số thủ thuật về bệnh tiêu hóa thường gặp: Cho ăn qua sonde, chọc dò màng bụng, siêu âm gan lách, nội soi dạ dày, nội soi trực tràng ...
- Hướng dẫn được cách phòng bệnh tiêu hóa tại cộng đồng.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Lý thuyết	Thực hành
1.	Bệnh thực quản	4	8
2.	Viêm dạ dày cấp và mạn tính	4	8
3.	Loét dạ dày - hành tá tràng	4	8
4.	Ung thư dạ dày	4	8
5.	Chảy máu tiêu hóa cao	4	8
6.	Hội chứng ruột kích thích	4	8
7.	Viêm gan mạn	4	8
8.	Xơ gan	4	8
9.	Ung thư gan	4	8
10.	Hôn mê gan	4	9
11.	Bệnh đường mật	4	9
12.	Bệnh tuyến tụy	4	9
13.	Lao màng bụng	4	9
14.	Ký sinh trùng đường ruột	3	9
15.	Viêm đại tràng	3	9

16.	Nội soi tiêu hóa	4	9
17.	Thực hành các thủ thuật: - Chọc dò màng bụng - Soi trực tràng - Hút dịch vị - Hút dịch tá tràng - Rửa dạ dày - Chọc hút ổ áp xe gan - Kiến tập nội soi dạ dày, tiêm xơ cầm máu, thắt TMTQ		

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

1. Thuyết trình ngắn bằng các phương pháp nghe nhìn hiện đại.
2. Nghiên cứu trường hợp.
3. Thảo luận nhóm.
4. Bài tập tình huống.
5. Hệ câu hỏi lựa chọn.

E. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

+ Thi lý thuyết

- Điều kiện thi lý thuyết: học viên phải tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, nếu nghỉ quá 20% số thời gian quy định sẽ không được dự thi hết học phần. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá lý thuyết bằng hình thức thi viết truyền thống, học viên trình bày những hiểu biết của mình về chẩn đoán và xử trí vấn đề tiêu hóa theo quan điểm mới, hiện đại. Bài viết lý thuyết được chấm độc lập 2 vòng bởi 2 giảng viên có trình độ từ Tiến sĩ trở lên và tính điểm theo quy định hiện hành theo thang điểm 10 cho mỗi câu hỏi.

+ Thi lâm sàng:

- Điều kiện thi lâm sàng: học viên phải tham gia đầy đủ thực hành tại bệnh viện, trực đầy đủ và thực hiện đầy đủ thủ thuật theo yêu cầu của bộ môn. Nếu nghỉ quá 10% thời gian thực hành sẽ không được dự thi. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá thực hành theo phương pháp thi vấn đáp trực tiếp giữa học viên và 02 cán bộ hỏi thi về các vấn đề liên quan đến lập luận chẩn đoán, xử trí, tiên lượng bệnh nhân trong khoa nội tiêu hóa đã được bốc thăm ngẫu nhiên trước đó.

+ Thi tay nghề:

Học viên được lượng giá kỹ năng thủ thuật chuyên ngành tiêu hóa bởi 02 cán bộ chấm thi trực tiếp kỹ năng tiến hành trên 1 bệnh nhân cụ thể, dựa vào bảng kiểm.

F. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:

+ Giảng đường.

+ Máy chiếu.

+ Bảng.

+ Loa đài, micro.

- Thực hành:

+ Mô hình.

+ Dụng cụ, trang thiết bị tiến hành trực tiếp trên người bệnh

+ Video mẫu

G. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY – THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Bài giảng Bệnh học Nội khoa (sau đại học) tập 1 và 2 - Bộ môn Nội, Đại học Y Hải Phòng năm 2008
2. Bài giảng bệnh học nội khoa sau đại học. Học viện quân Y– 1992

3. Bách khoa thư Bệnh học tập 1, 2, 3, 4 - GS. Phạm Song và GS.TS Nguyễn Hữu Quỳnh (chủ biên). NXB Y học năm 2003 - 2004..
4. Bệnh dạ dày – tá tràng và nhiễm Helicobacter pylori– PGS.TS. Trần Thiện Trung. NXB Y học năm 2008.
5. Ứng dụng nội soi trong chẩn đoán và điều trị bệnh lý Tiêu hóa – GS.TS Nguyễn Khánh Trạch, năm 2001.
6. Các bệnh dạ dày – tá tràng ở tuổi trẻ - PTS. Phạm Thị Thu Hồ (chủ biên dịch), NXB Y học năm 1990
7. Khuyến cáo chẩn đoán và điều trị Helicobacter pylori tại Việt Nam – Hội khoa học Tiêu Hóa Việt Nam, Hà Nội năm 2013

TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI

1. Early Colorectal Cancer, Igarashi - Shoin, Japan 1996.
2. Current Diagnosis & Treatment in Gastroenterology – James H. Grendell, MD, Kenneth R. McQuaid, MD, Scott L.Friedman, MD. Nhà xuất bản “Prentice-Hall International, INC” năm 1996

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

NỘI TIẾT - CHUYỂN HÓA

Mã số: YHNT.576

Tổng số học trình: 12

Lý thuyết: 4

Thực hành: 8

Số tiết học: 180

Lý thuyết: 60

Thực hành: 120

Số lần kiểm tra: 2

Số chứng chỉ: 1

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội – Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS. Đỗ Thị Tính - Phó trưởng Bộ môn Nội ĐHYD Hải phòng
2. PGS.TS. Hoàng Đăng Mịch - Phó Giám đốc Bệnh viện Việt Tiệp HP,
Giảng viên kiêm chức ĐHYDHP.

A. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học Nội tiết nội khoa là một trong những môn chuyên môn cần thiết, cơ bản của ngành y nói chung và chuyên ngành nội nói riêng. Môn học này nhằm trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại và các kỹ năng chuyên ngành áp dụng để chẩn đoán, điều trị dự phòng các bệnh nội tiết. Những nội dung đã học ở bậc đại học như : Đái tháo đường , Bệnh tuyến giáp trạng tại bậc học này học viên được bổ xung kiến thức, được cập nhật, mở

MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Lý thuyết:

- Trình bày đại cương, phân loại các bệnh nội tiết.
- Mô tả triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm các bệnh nội tiết.
- Trình bày phương pháp chẩn đoán các bệnh nội tiết.
- Trình bày phương pháp điều trị, phòng bệnh các bệnh nội tiết.

- Trình bày phương pháp phòng bệnh nội tiết tại cộng đồng.

Lâm sàng:

- Chẩn đoán được các bệnh nội tiết.
- Điều trị được các bệnh nội tiết.
- Kiến tập được một số thủ thuật, xét nghiệm của các bệnh nội tiết thường gặp:
Đo độ tập trung iôt, chọc dò tuyến giáp, xạ hình tuyến giáp...

B. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Lý thuyết	Thực hành
1.	Các bệnh tuyến yên và vùng Hypothalamus	5	10
2.	Các bệnh tuyến thượng thận	5	10
3.	Các bệnh tuyến tụy nội tiết và bệnh đái tháo đường	8	10
4.	Các biến chứng của đái tháo đường	5	10
5.	Điều trị bệnh đái tháo đường	5	10
6.	Các bệnh tuyến giáp:	5	10
7.	Bệnh Basedow	5	10
8.	Suy chức năng tuyến giáp	5	10
9.	Các bệnh tuyến cận giáp	5	10
10.	Bệnh đái tháo nhạt	4	10
11.	Sử dụng corticoid trong lâm sàng	4	10
12.	Hội chứng Sheehan	4	10
13.	Thực hành các thủ thuật: - Đo CHCS - Chọc dò nang tuyến giáp - Kiến tập đo độ tập trung I ¹³¹		

	<ul style="list-style-type: none"> - Kiên tập định lượng FT₃ và FT₄ - Đo đường huyết mao mạch bằng que thử - Siêu âm tuyến giáp 		
--	--	--	--

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

1. Thuyết trình ngắn bằng các phương pháp nghe nhìn hiện đại.
2. Nghiên cứu trường hợp.
3. Thảo luận nhóm.
4. Bài tập tình huống.
5. Hệ câu hỏi lựa chọn.

E. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

+ Thi lý thuyết

- Điều kiện thi lý thuyết: học viên phải tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, nếu nghỉ quá 20% số thời gian quy định sẽ không được dự thi hết học phần. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá lý thuyết bằng hình thức thi viết truyền thống, học viên trình bày những hiểu biết của mình về chẩn đoán và xử trí vấn đề bệnh nội tiết – chuyên hóa theo quan điểm mới, hiện đại. Bài viết lý thuyết được chấm độc lập 2 vòng bởi 2 giảng viên có trình độ từ Tiến sĩ trở lên và tính điểm theo quy định hiện hành theo thang điểm 10 cho mỗi câu hỏi.

+ Thi lâm sàng:

- Điều kiện thi lâm sàng: học viên phải tham gia đầy đủ thực hành tại bệnh viện, trực đầy đủ và thực hiện đầy đủ thủ thuật theo yêu cầu của bộ môn. Nếu nghỉ quá 10% thời gian thực hành sẽ không được dự thi. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá thực hành theo phương pháp thi vấn đáp trực tiếp giữa học viên và 02 cán bộ hỏi thi về các vấn đề liên quan đến lập luận chẩn đoán, xử trí, tiên lượng bệnh nhân trong khoa thận - nội tiết đã được bốc thăm ngẫu nhiên trước đó.

+ Thi tay nghề:

Học viên được lượng giá kỹ năng thủ thuật chuyên ngành nội tiết – chuyên hóa bởi 02 cán bộ chấm thi trực tiếp kỹ năng tiến hành trên 1 bệnh nhân cụ thể, dựa vào bảng kiểm.

F. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:

+ Giảng đường.

+ Máy chiếu.

+ Bảng.

+ Loa đài, micro.

- Thực hành:

+ Mô hình.

+ Dụng cụ, trang thiết bị tiến hành trực tiếp trên người bệnh

+ Video mẫu

G. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY – THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Bài giảng Bệnh học Nội khoa (sau đại học) tập 1 và 2 - Bộ môn Nội, Đại học Y Hải Phòng năm 2008
2. Nội tiết học đại cương Mai Thế Trạch, Nguyễn Thy Khuê. NXBYH 2003.
3. Bài giảng bệnh học nội khoa sau đại học. Học viện quân y - 1992.
4. Bách khoa thư Bệnh học tập 1, 2, 3, 4 - GS. Phạm Song và GS.TS Nguyễn Hữu Quỳnh (chủ biên). NXB Y học năm 2003 - 2004.
5. Cẩm nang điều trị Nội khoa (sách dịch) - GS. Phạm Khuê (chủ biên). NXB Y Học năm 1996.

TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI

1. The Washington Manual of Critical Care 2nd edition – Marin Kollef , Warren Isakow. Nhà xuất bản “Wolters Kluwer, Lippincott Williams and Wilkins” , năm 2008
2. Harrison’s Principles of Internal Medicine 17th edition (Self - Assessment and Board Review) - Wiener , Fauci, Braunwald, Kasper, Hauser, Longo, Jameson, Loscalzo. Nhà xuất bản: “Mc Graw Hill Medical” năm 2008

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN THẬN TIẾT NIỆU

Mã số: YHTN.577

Tổng số học trình: 8

Lý thuyết: 3

Thực hành: 5

Số tiết học: 120

Lý thuyết: 45

Thực hành: 75

Số lần kiểm tra: 2

Số chứng chỉ: 1

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội – Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS. Đỗ Thị Tính - Phó trưởng Bộ môn Nội ĐHYD Hải Phòng
2. PGS.TS. Hoàng Đăng Mịch - Phó Giám đốc Bệnh viện Việt Tiệp HP,
Giảng viên kiêm chức ĐHYDHP.
3. PGS.TS Đỗ Thị Liệu - Quyền trưởng Bộ môn Nội Đại học Y Hà Nội.

A. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học thận - tiết niệu là một trong những môn chuyên môn cần thiết, cơ bản của ngành y nói chung và chuyên ngành nội nói riêng. Môn học này nhằm trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại và các kỹ năng chuyên ngành áp dụng để chẩn đoán, điều trị dự phòng các bệnh thận - tiết niệu. Một số nội dung đã học ở bậc đại học như: Viêm cầu thận cấp, suy thận cấp, mạn ... tại bậc học này học viên được bổ xung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao.

B. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Lý thuyết:

- Trình bày được giải phẫu - chức năng của hệ thống thận - tiết niệu.
- Mô tả triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm của các bệnh thận - tiết niệu.
- Trình bày phương pháp chẩn đoán, biến chứng các bệnh thận - tiết niệu.

- Xử trí cấp cứu một số các bệnh thận - tiết niệu.
- Trình bày phương pháp điều trị các bệnh thận.
- Trình bày phương pháp phòng bệnh các bệnh thận tại cộng đồng.

Lâm sàng:

- Chẩn đoán và xử trí được các bệnh thận - tiết niệu.
- Thực hiện được và kiến tập được một số thủ thuật của các bệnh thận - tiết niệu: Đặt sonde vào bàng quang, siêu âm thận - tiết niệu, sinh thiết thận, soi bàng quang, làm UIV ...
- Hướng dẫn được cách phòng bệnh thận - tiết niệu tại cộng đồng.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	TH
1.	Những vấn đề về giải phẫu sinh lý thận	4	7
2.	Các phương pháp thăm dò chức năng thận	5	8
3.	Các bệnh cầu thận	5	8
4.	Hội chứng thận hư	4	7
5.	Viêm khe thận mạn	4	7
6.	Các bệnh thận bẩm sinh	4	7
7.	Những vấn đề về hội chứng suy thận mạn	5	8
8.	Hội chứng suy thận cấp tính	5	8
9.	Những quan điểm mới trong điều trị hội chứng suy thận	4	7
10.	Thận nhân tạo	5	8
11.	Thực hành các thủ thuật: - Soi bàng quang - Đọc phim thận, bàng quang có chuẩn bị và không chuẩn bị, phim CT, MRI.		

	- Làm UIV - Kiến tập siêu âm thận		
--	--------------------------------------	--	--

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

1. Thuyết trình ngắn bằng các phương pháp nghe nhìn hiện đại.
2. Nghiên cứu trường hợp.
3. Thảo luận nhóm.
4. Bài tập tình huống.
5. Hệ câu hỏi lựa chọn.

E. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

+ Thi lý thuyết

- Điều kiện thi lý thuyết: học viên phải tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, nếu nghỉ quá 20% số thời gian quy định sẽ không được dự thi hết học phần. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá lý thuyết bằng hình thức thi viết truyền thống, học viên trình bày những hiểu biết của mình về chẩn đoán và xử trí vấn đề thận – tiết niệu theo quan điểm mới, hiện đại. Bài viết lý thuyết được chấm độc lập 2 vòng bởi 2 giảng viên có trình độ từ Tiến sĩ trở lên và tính điểm theo quy định hiện hành theo thang điểm 10 cho mỗi câu hỏi.

+ Thi lâm sàng:

- Điều kiện thi lâm sàng: học viên phải tham gia đầy đủ thực hành tại bệnh viện, trực đầy đủ và thực hiện đầy đủ thủ thuật theo yêu cầu của bộ môn. Nếu nghỉ quá 10% thời gian thực hành sẽ không được dự thi. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá thực hành theo phương pháp thi vấn đáp trực tiếp giữa học viên và 02 cán bộ hỏi thi về các vấn đề liên quan đến lập luận chẩn đoán, xử trí, tiên lượng bệnh nhân trong khoa thận – nội tiết đã được bốc thăm ngẫu nhiên trước đó.

+ Thi tay nghề:

Học viên được lượng giá kỹ năng thủ thuật chuyên ngành thận – tiết niệu bởi 02 cán bộ chấm thi trực tiếp kỹ năng tiến hành trên 1 bệnh nhân cụ thể, dựa vào bảng kiểm.

F. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:

+ Giảng đường.

+ Máy chiếu.

+ Bảng.

+ Loa đài, micro.

- Thực hành:

+ Mô hình.

+ Dụng cụ, trang thiết bị tiến hành trực tiếp trên người bệnh

+ Video mẫu

G. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY – THAM KHẢO

1. Bài giảng Bệnh học Nội khoa (sau đại học) tập 1 và 2 - Bộ môn Nội, Đại học Y Hải Phòng năm 2008
2. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa - Bộ Y Tế, Bệnh viện Bạch Mai, chủ biên PGS.TS Ngô Quý Châu và TS Nguyễn Quốc Anh. NXB Y Học năm 2011
3. Cẩm nang điều trị Nội khoa (sách dịch) - GS. Phạm Khuê (chủ biên). NXB Y Học năm 1996.
4. Bách khoa thư Bệnh học tập 1, 2, 3, 4 - GS. Phạm Song và GS.TS Nguyễn Hữu Quỳnh (chủ biên). NXB Y học năm 2003 - 2004.
5. Bài giảng sau đại học - Học viện Quân Y 1992.
6. Xử trí cấp cứu nội khoa. Vũ Văn Đính. NXBYH 1992.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN BỆNH MÁU VÀ CƠ QUAN TẠO MÁU

Mã số: YHBM.578

Tổng số học trình: 8

Lý thuyết: 3

Thực hành: 5

Số tiết học: 120

Lý thuyết: 45

Thực hành: 75

Số lần kiểm tra: 2

Số chứng chỉ: 1

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội – Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS. Đỗ Thị Vân - Bộ môn Nội ĐHY Hà Nội.

2. PGS.TS Nguyễn Hà Thanh - Phó trưởng bộ môn huyết học ĐHY Hà Nội

A. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học bệnh máu nội khoa là một trong những môn chuyên môn cần thiết, cơ bản của ngành y nói chung và chuyên ngành nội nói riêng. Môn học này nhằm trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại và các kỹ năng chuyên ngành áp dụng để chẩn đoán, điều trị dự phòng các bệnh máu. Những nội dung đã học ở bậc đại học tại bậc học này học viên được bổ xung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao (dịch tễ, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng, phòng bệnh..).

B. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Lý thuyết:

- Trình bày nguyên nhân, phân loại, biểu hiện lâm sàng, xét nghiệm của các bệnh máu.
- Trình bày phương pháp chẩn đoán, biến chứng các bệnh máu.
- Trình bày phương pháp điều trị các bệnh máu.
- Trình bày phương pháp phòng bệnh bệnh máu tại cộng đồng.

Lâm sàng:

- Chẩn đoán và xử trí được các bệnh máu.
- Thực hiện được và kiến tập được một số thủ thuật của các bệnh máu: Truyền máu, xác định nhóm máu, huyết đồ, tuỷ đồ...
- Hướng dẫn được cách phòng bệnh bệnh máu tại cộng đồng.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Lý thuyết	Thực hành
1.	Phân loại thiếu máu	4	7
2.	U lympho không Hodgkin	4	8
3.	Bệnh bạch cầu cấp và kinh	8	8
4.	Xuất huyết giảm tiểu cầu chưa rõ nguyên nhân	4	8
5.	Thiếu máu huyết tán	5	8
6.	U lympho Hodgkin	4	7
7.	Suy tuỷ xương	4	8
8.	Bệnh Hemophilie	4	7
9.	Bệnh Kahler	4	7
10.	Tai biến truyền máu và cách xử trí	4	7
11.	Thực hành các thủ thuật: - Thuyết trình ngắn bằng các phương pháp nghe nhìn hiện đại - Nghiên cứu trường hợp - Thảo luận nhóm - Bài tập tình huống. - Hệ câu hỏi lựa chọn.		

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

1. Thuyết trình ngắn bằng các phương pháp nghe nhìn hiện đại
2. Nghiên cứu trường hợp
3. Thảo luận nhóm
4. Bài tập tình huống.
5. Hệ câu hỏi lựa chọn.

E. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

+ Thi lý thuyết

- Điều kiện thi lý thuyết: học viên phải tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, nếu nghỉ quá 20% số thời gian quy định sẽ không được dự thi hết học phần. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá lý thuyết bằng hình thức thi viết truyền thống, học viên trình bày những hiểu biết của mình về chẩn đoán và xử trí vấn đề bệnh máu và cơ quan tạo máu theo quan điểm mới, hiện đại. Bài viết lý thuyết được chấm độc lập 2 vòng bởi 2 giảng viên có trình độ từ Tiến sĩ trở lên và tính điểm theo quy định hiện hành theo thang điểm 10 cho mỗi câu hỏi.

+ Thi lâm sàng:

- Điều kiện thi lâm sàng: học viên phải tham gia đầy đủ thực hành tại bệnh viện, trực đầy đủ và thực hiện đầy đủ thủ thuật theo yêu cầu của bộ môn. Nếu nghỉ quá 10% thời gian thực hành sẽ không được dự thi. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá thực hành theo phương pháp thi vấn đáp trực tiếp giữa học viên và 02 cán bộ hỏi thi về các vấn đề liên quan đến lập luận chẩn đoán, xử trí, tiên lượng bệnh nhân trong khoa huyết học lâm sàng đã được bốc thăm ngẫu nhiên trước đó.

F. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:

+ Giảng đường.

- + Máy chiếu.
- + Bảng.
- + Loa đài, micro.
- Thực hành:
- + Mô hình.
- + Dụng cụ, trang thiết bị tiến hành trực tiếp trên người bệnh
- + Video mẫu

G. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY – THAM KHẢO

TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Bài giảng Bệnh học Nội khoa (sau đại học) tập 1 và 2 - Bộ môn Nội, Đại học Y Hải Phòng năm 2008
2. Bài giảng sau đại học - Học viện Quân Y 1992.
3. Cẩm nang điều trị Nội khoa (sách dịch) - GS. Phạm Khuê (chủ biên). NXB Y Học năm 1996.
4. Bách khoa thư Bệnh học tập 1, 2, 3, 4 - GS. Phạm Song và GS.TS Nguyễn Hữu Quỳnh (chủ biên). NXB Y học năm 2003 - 2004.
5. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa - Bộ Y Tế, Bệnh viện Bạch Mai, chủ biên PGS.TS Ngô Quý Châu và TS Nguyễn Quốc Anh. NXB Y Học năm 2011
6. Thực hành huyết học và truyền máu - Kỹ thuật và lâm sàng. PGS Trần Văn Bé. 2002 NXB Y Học

TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI

Atlas of Clinical Hematology. Tkachuk ,Hirschmann, McArthur. 2002 NXB Y Học

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

BỆNH CƠ - XƯƠNG - KHỚP

Mã số: YHCX.581

Tổng số học trình: 8

Lý thuyết: 3

Thực hành: 5

Số tiết học: 120

Lý thuyết: 45

Thực hành: 75

Số lần kiểm tra: 2

Số chứng chỉ: 1

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội - Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên môn học:

1. PGS.TS. Bùi Thị Hà - Trưởng phòng KHTH và chỉ đạo tuyển Bệnh viện Việt Tiệp - Giảng viên kiêm chức ĐHYDHP.
2. PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan - Phó trưởng BM Nội ĐHYHN.

A. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học cơ xương khớp là một trong những môn chuyên môn cần thiết, cơ bản của ngành y nói chung và chuyên ngành nội nói riêng. Môn học này nhằm trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại và các kỹ năng chuyên ngành áp dụng để chẩn đoán, điều trị dự phòng các bệnh cơ xương khớp. Những nội dung đã học ở bậc đại học tại bậc học này học viên được bổ xung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao.

B. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Lý thuyết:

- Trình bày đại cương cơ - xương - khớp.
- Trình bày cách phân loại bệnh khớp.
- Mô tả triệu chứng lâm sàng, xét nghiệm các bệnh cơ - xương - khớp.
- Trình bày phương pháp chẩn đoán các bệnh cơ-xương - khớp.
- Trình bày phương pháp điều trị, phòng bệnh các bệnh cơ xương khớp.

- Trình bày phương pháp phòng bệnh cơ - xương - khớp.

Lâm sàng:

- Chẩn đoán và xử trí được các bệnh cơ - xương - khớp thường gặp.
- Kiến tập một số thủ thuật của các bệnh cơ - xương - khớp: Chọc dò và tiêm khớp, nội soi khớp, đo độ loãng xương và mật độ xương...
- Hướng dẫn được cách phòng bệnh cơ - xương - khớp thông thường tại cộng đồng.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		Lý thuyết	Thực hành
1.	Nguyên nhân và cơ chế bệnh sinh các bệnh khớp	3	7
2.	Tên gọi và phân loại các bệnh khớp	3	8
3.	Nguyên tắc điều trị bệnh khớp	3	8
4.	Viêm khớp dạng thấp	4	7
5.	Bệnh viêm cột sống dính khớp	4	5
6.	Những hiểu biết hiện nay về bệnh tổ chức liên kết	4	5
7.	Bệnh Goute	4	5
8.	Thoái hóa khớp	4	6
9.	Sử dụng chống viêm không steroid trong lâm sàng	4	6
10.	Các bệnh tạo keo hay hệ thống	4	6
11.	Bệnh loãng xương	4	6
12.	Các thăm dò hình thái trong chẩn đoán bệnh khớp	4	6
13.	Thực hành các thủ thuật: - Chọc dò khớp gối - Tiêm thuốc khớp gối, khớp ngón tay		

	<ul style="list-style-type: none"> - Gây tê ngoài màng cứng - Tiêm thuốc ngoài màng cứng - Đọc Xquang xương khớp - Kiến tập siêu âm khớp - Kiến tập đo mật độ xương 		
--	--	--	--

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

1. Thuyết trình ngắn bằng các phương pháp nghe nhìn hiện đại
2. Nghiên cứu trường hợp
3. Thảo luận nhóm
4. Bài tập tình huống.
5. Hệ câu hỏi lựa chọn.

E. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

+ Thi lý thuyết

- Điều kiện thi lý thuyết: học viên phải tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, nếu nghỉ quá 20% số thời gian quy định sẽ không được dự thi hết học phần. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá lý thuyết bằng hình thức thi viết truyền thống, học viên trình bày những hiểu biết của mình về chẩn đoán và xử trí vấn đề cơ xương khớp theo quan điểm mới, hiện đại. Bài viết lý thuyết được chấm độc lập 2 vòng bởi 2 giảng viên có trình độ từ Tiến sĩ trở lên và tính điểm theo quy định hiện hành theo thang điểm 10 cho mỗi câu hỏi.

+ Thi lâm sàng:

- Điều kiện thi lâm sàng: học viên phải tham gia đầy đủ thực hành tại bệnh viện, trực đầy đủ và thực hiện đầy đủ thủ thuật theo yêu cầu của bộ môn. Nếu nghỉ quá 10% thời gian thực hành sẽ không được dự thi. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá thực hành theo phương pháp thi vấn đáp trực tiếp giữa học viên và 02 cán bộ hỏi thi về các vấn đề liên quan đến lập luận chẩn đoán, xử trí, tiên lượng bệnh nhân trong khoa nội 2 cơ xương khớp đã được bốc thăm ngẫu nhiên trước đó.

+ Thi tay nghề:

Học viên được lượng giá kỹ năng thủ thuật chuyên ngành cơ xương khớp bởi 02 cán bộ chấm thi trực tiếp kỹ năng tiến hành trên 1 bệnh nhân cụ thể, dựa vào bảng kiểm.

F. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:

+ Giảng đường.

+ Máy chiếu.

+ Bảng.

+ Loa đài, micro.

- Thực hành:

+ Mô hình.

+ Dụng cụ, trang thiết bị tiến hành trực tiếp trên người bệnh

+ Video mẫu

G. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY – THAM KHẢO

1. Bài giảng Bệnh học Nội khoa (sau đại học) tập 1 và 2 - Bộ môn Nội, Đại học Y Hải Phòng năm 2008
2. Bệnh học Nội khoa sau đại học tập I - Học viện quân Y 1998.
3. Đau vai, Dene Cailliet, Lê Vinh, NXBYH, 2001.
4. Các bệnh về khớp, J.M.H.Moll, NXBYH, 2000.
5. Hormon, Lê Đức Trình, NXBYH, 1998.
6. Chẩn đoán, xử trí lâm sàng bệnh khớp. NXBYH, 1995.
7. Bệnh thấp khớp, Trần Ngọc Ân, NXBYH 1995.

8. MIMS Việt nam 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005
9. Cẩm nang điều trị Nội khoa (sách dịch) - GS. Phạm Khuê (chủ biên). NXB Y Học năm 1996.
10. Bách khoa thư Bệnh học tập 1, 2, 3, 4 - GS. Phạm Song và GS.TS Nguyễn Hữu Quỳnh (chủ biên). NXB Y học năm 2003 - 2004.
11. Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa - Bộ Y Tế, Bệnh viện Bạch Mai, chủ biên PGS.TS Ngô Quý Châu và TS Nguyễn Quốc Anh. NXB Y Học năm 2011

TÀI LIỆU NƯỚC NGOÀI

1. Harrison's Principles of Internal Medicine 17th edition (Self - Assessment and Board Review) - Wiener , Fauci, Braunwald, Kasper, Hauser, Longo, Jameson, Loscalzo. Nhà xuất bản: "Mc Graw Hill Medical" năm 2008

D. CÁC MÔN HỌC TỰ CHỌN

Đề cương môn học:

MÔN HỌC VI SINH

Số đơn vị học trình: 3(LT2/TH1)

Số tiết học: 45 (LT: 30; TH: 15)

Cán bộ giảng dạy:

1. TS. Nguyễn Hùng Cường, Trưởng BM Vi sinh
2. TS. Nguyễn Thị Thông, nguyên trưởng BM Vi sinh
3. TS. Hà Thị Bích Ngọc, BM Vi sinh
4. TS. Trần Đức, Trưởng khoa Vi sinh, bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng
5. TS. Đoàn Hồng Hạnh, Trưởng khoa Vi sinh, bệnh viện Tiệp Việt Nam
Uông Bí - Thụy Điển, Quảng Ninh

D. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn Vi sinh là môn có liên quan chặt chẽ với chuyên ngành nội và truyền nhiễm trong chẩn đoán và điều trị bệnh

Môn học này trang bị cho các học viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về các căn nguyên gây bệnh, các kỹ thuật chẩn đoán vi sinh mới và những kỹ năng thực hành labo giúp cho việc chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa đầy đủ và hoàn chỉnh nhất.

E. MỤC TIÊU HỌC TẬP

Sau khi kết thúc khóa học, sinh viên có khả năng:

3. Lý thuyết

- 3.1. Trình bày được những kiến thức cơ bản và nâng cao về kháng sinh, kháng kháng sinh và các kỹ thuật labo phát hiện kháng thuốc kháng sinh được ứng dụng.
- 3.2. Trình bày được những kiến thức cơ bản về các căn nguyên vi sinh vật gây bệnh tại đường tiêu hóa, hô hấp, máu, dinh dục tiết niệu, hệ

thống thần kinh... các kỹ thuật labo ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị bệnh gây bởi vi sinh vật.

- 3.3. Trình bày được những kiến thức cơ bản về các căn nguyên gây nhiễm trùng bệnh viện. Các kỹ thuật kiểm tra và đánh giá công tác kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện.

4. Thực hành

- 4.1. Thực hiện, đọc và phân tích kết quả các xét nghiệm kháng sinh đồ cơ bản và một số kỹ thuật nâng cao.
- 4.2. Thực hiện, đọc và phân tích kết quả các xét nghiệm ứng dụng sinh học phân tử trong chẩn đoán vi sinh
- 4.3. Thực hiện triển khai được một số biện pháp phòng chống nhiễm khuẩn bệnh viện tại bệnh viện

F. NỘI DUNG

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ TIẾT	
		LT	TH
1	Kháng sinh, đề kháng kháng sinh của vi khuẩn và các kỹ thuật pháp hiện kháng kháng sinh.	6	4
2	Căn nguyên vi sinh vật gây nhiễm khuẩn tiêu hóa	4	2
3	Căn nguyên vi sinh vật gây nhiễm khuẩn đường hô hấp	4	2
4	Căn nguyên vi sinh vật gây nhiễm khuẩn máu	4	2
5	Căn nguyên vi sinh vật gây nhiễm khuẩn đường tiết niệu sinh dục	4	2
6	Căn nguyên vi sinh vật gây nhiễm khuẩn hệ	4	2

	thông thân kinh trung ương		
7	Nhiễm trùng bệnh viện	4	1
	TỔNG	30	15

D. TÀI LIỆU DẠY HỌC

Tài liệu giảng dạy

- Vi sinh Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Hà Nội. – Nhà xuất bản Y học, 2001. - 397tr.; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2007; 395tr; 27cm.
- Vi sinh vật y học – PGS. TS. Lê Huy Chính - Nhà xuất bản y học; 2013; 395tr; 27cm.
- Vi khuẩn học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2011 ; 293tr; 27cm.
- Vi –rút học Bộ môn Vi sinh / Trường Đại học Y Dược TP. HCM – 2012 ; 219tr; 27cm
- Tài liệu bài giảng thực hành của Bộ môn Vi sinh ĐHYHP 2012

Tài liệu tham khảo

- Vi sinh vật học - PGS. TS. Cao Văn Thu / Nhà xuất bản giáo dục, 2008; 343tr; 27cm.
- Vi sinh y học - Vi-rút học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2007; 235tr; 26cm.
- Vi sinh y học - Vi khuẩn học – Lý Văn Xuân / Nhà xuất bản y học, 2008; 400tr; 26cm.

- Kỹ thuật cơ bản và đảm bảo chất lượng trong xét nghiệm vi sinh y học. – PGS. TS. Đinh Hữu Dung / Nhà xuất bản y học - 2008; 90tr; 27cm.
- Thực hành đảm bảo chất lượng phòng xét nghiệm vi sinh – Viện vệ sinh dịch tễ trung ương – Nhà xuất bản y học; 2011; 294tr; 27cm.
- Kỹ thuật xét nghiệm vi sinh lâm sàng/ Nhà xuất bản y học - 2006; 146tr; 27cm.
- Medical Microbiology – Samuel Baron – 1262 tr; / second edition.
- Medical Microbiology - Jawetz Melnick&Adelbergs / nineteenth edition; 1991; 632 tr;
- A Concise Review of Clinical Laboratory Science - Joel David Hubbard; 409tr;
- Jawetz Melnick&Adelbergs Medical Microbiology
- Link:http://microbiology.sbm.ac.ir/uploads/jawetz_2013__medical_miceobiology.pdf
- <https://www.uptodate.com/home>

F.PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học: Áp dụng phương pháp dạy học tích cực

+ Lý thuyết:

- Dạy học theo mục tiêu
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa trên các tài liệu sẵn có và sự hướng dẫn của giảng viên, sau đó trình bày, thảo luận trước lớp

+ Thực hành:

- Dựa trên mục tiêu cần đạt
- Thảo luận nhóm
- Nghiên cứu trường hợp
- Dạy học dựa trên vấn đề

G. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ

Lý thuyết: thi viết truyền thống

Thực hành: bốc bệnh án, hỏi thi ca bệnh.

H. CHUẨN BỊ VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Giảng đường
- Phấn, bảng
- Máy chiếu
- Máy tính xách tay
- Tài liệu phát tay
- Phòng labo

- Cách tính điểm môn học: $\text{ĐMH} = (\text{ĐKTLT} * 0,3) + (\text{ĐTLT} * 0,7)$

Đề cương môn học:
MÔN HỌC CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

Mã số: YHCD.579

Số đơn vị học trình: 3 LT: 2 TH: 1

Số tiết: 45 LT: 30 tiết TH: 15 tiết

Số lần kiểm tra: 1

Số chứng chỉ: 1

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Chẩn đoán hình ảnh Đại học Y Dược Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

3. PGS. TS. Nguyễn Quốc Hùng-Nguyên Trưởng Bộ môn

4. ThS. Bùi Hoàng Tú – Phó trưởng bộ môn

A. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn Chẩn đoán hình ảnh là môn cần thiết để giảng cho các bác sỹ, là một trong những môn cơ sở, nền tảng cho việc giảng dạy các môn chuyên ngành.

Môn học này trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống hiện đại, áp dụng cho các môn chuyên ngành trong việc chẩn đoán và điều trị bệnh.

Những nội dung đã được học ở bậc đại học (1) tại bậc học này học viên được bổ xung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao.

B. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

Sau khi kết thúc khóa học, học viên phải đạt được chuẩn đầu ra sau:

• **Về kiến thức:**

- Mô tả được những bệnh lý nội khoa trong chẩn đoán hình ảnh.

• **Về thái độ :**

- Nhận thức được tầm quan trọng của các phương pháp chẩn đoán hình ảnh trong thực hành lâm sàng nội khoa.

- Hợp tác tích cực giữa các khoa lâm sàng và chẩn đoán hình ảnh trong chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa.

- **Về thực hành:**

- Phát hiện các tổn thương của các cơ quan, hệ cơ quan về mặt hình ảnh.

- Mô tả các đặc điểm hình ảnh, định hướng các bệnh thường gặp.

C. NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên bài giảng	Số tiết		
		TS	LT	TH
1	Chẩn đoán hình ảnh Phôi – lồng ngực	6	4	2
2	Chẩn đoán hình ảnh cơ quan vận động	6	4	2
3	Chẩn đoán hình ảnh một số bệnh lý khớp	6	4	2
4	Chẩn đoán hình ảnh hệ tiết niệu	5	3	2
5	Chẩn đoán hình ảnh dạ dày – tá tràng	5	3	2
6	Chẩn đoán hình ảnh cấp cứu bụng	5	3	2
7	Chẩn đoán hình ảnh viêm tụy cấp	4	3	1
8	Chẩn đoán hình ảnh tim và động mạch lớn	5	3	2
9	Giới thiệu về CT, cộng hưởng từ về chỉ định - chống chỉ định	3	3	0
	Cộng	45	30	15

D. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

- Lý thuyết: Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực: phát vấn, thảo luận nhóm, dạy học theo mục tiêu. Một số nội dung được giao cho học viên chuẩn bị trước ở nhà.

- Thực hành: tại phòng đọc phim, máy chụp, máy siêu âm

- Vật liệu dạy học: Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu.

E. TÀI LIỆU HỌC TẬP

1. Tài liệu giảng dạy:

- Bài giảng chẩn đoán hình ảnh / Trường Đại học Y Hà Nội. - H. : Y học, 2001

2. Tài liệu tham khảo:

- Giải phẫu X Quang : Sách đào tạo cử nhân kỹ thuật y học. - H. : Y học, 2007

- Cẩm nang siêu âm. - H. : Y học, 2004

- Siêu âm tổng quát. - Huế : NXB ĐH Huế, 2011

- Medical imaging : Essentials for physicians. - Chichester, West Sussex : John Wiley & Sons, 2013

3. Tài liệu hướng dẫn sinh viên tự học:

- Kỹ thuật X quang thông thường, tập 1 : sách đào tạo cử nhân kỹ thuật hình ảnh. - H. : Y học, 2008

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Sau môn học này học viên phải đạt được mục tiêu học tập.

Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

- Thi viết bằng câu hỏi cải tiến

- Thi lâm sàng và thủ thuật

- Thi lý thuyết truyền thống

Cách tính điểm môn học:

1 lần kiểm tra lý thuyết

Trọng số: 0.3

1 lần thi hết môn

Trọng số: 0.7

$$\mathbf{ĐMH = (ĐKTLT \times 0.3) + (ĐTLT \times 0.7)}$$

G. CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:

+ Giảng đường. Máy chiếu. Bảng. Loa đài, micro.

- Thực hành:

+ Máy chụp Xquang, đèn đọc phim

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

LÃO KHOA

Mã số: YHLK.565

Tổng số tín chỉ: 2

Lý thuyết: 1

Thực hành: 1

Số tiết học: 45

Lý thuyết: 30

Thực hành: 15

Số lần kiểm tra: 2

Số chứng chỉ: 1

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Nội - Đại học Y Dược Hải Phòng

Giảng viên môn học:

4. PGS.TS Phạm Văn Nhiên - Trưởng bộ môn Nội - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

5. PGS. TS Nguyễn Thị Dung - Bộ môn Nội - Trường đại học Y Dược Hải Phòng.

MÔ TẢ HỌC PHẦN

Môn học lão khoa là một trong những môn chuyên môn cần thiết của ngành y nói chung và chuyên ngành nội nói riêng. Môn học này cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống, hiện đại và các kỹ năng chuyên ngành áp dụng để chẩn đoán, điều trị, dự phòng các bệnh lão khoa. Những nội dung học liên quan đến các chuyên môn khác của nội khoa nói chung, bên cạnh đó học viên được bổ sung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao kỹ năng chẩn đoán, điều trị chuyên biệt về lão khoa.

MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Lý thuyết:

1. Trình bày dịch tễ học, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh các bệnh lão khoa thường gặp.
2. Mô tả triệu chứng lâm sàng và xét nghiệm các bệnh lão khoa thường gặp.

3. Trình bày được cách sử dụng thuốc ở người cao tuổi.

Lỗm sàng:

1. Chẩn đoán và xử trí được bệnh lão khoa thường gặp.
2. Sử dụng được thuốc ở người cao tuổi đúng cách.
3. Thực hiện được một số thủ thuật thuộc bệnh lão khoa.

NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Tên chuyên đề	Nội dung	
		LT	TH
1	Đại cương về lão khoa	4	
2	Tai biến mạch não	4	2
3	Bệnh Parkinson	4	2
4	Thuốc nâng cao tuổi thọ	4	
5	Nguyên nhân cơ chế của sự già	4	
6	Xử dụng thuốc ở người cao tuổi	4	4
7	Bệnh Alzheimer	4	2
8	Hội chứng xa sút trí tuệ ở người có tuổi	4	2
9	Thực hành các thủ thuật. - Đo lưu huyết não. - Siêu âm Doppler động mạch cảnh	2	3
Tổng		30	15

Phương pháp dạy học

1. Thuyết trình, hướng dẫn học viên tự học.
2. Thảo luận nhóm, case study, bảng kiểm.
3. Thực hành một số thủ thuật.

Tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo

- Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh Nội khoa - Bộ Y Tế, Bệnh viện Bạch Mai, chủ biên PGS.TS Ngô Quý Châu và TS Nguyễn Quốc Anh. NXB Y Học năm 2011
- Bài giảng Bệnh học Nội khoa (sau đại học) tập 1 và 2 - Bộ môn Nội, Đại học Y Hải Phòng năm 2008
- Bài giảng bệnh học Nội khoa (sau đại học) tập 1 - Bộ môn Nội, Đại học Y Hải Phòng năm 2002
- Bài giảng Bệnh học Nội khoa tập 1 - Các Bộ môn Nội, ĐHY Hà Nội. NXB Y học năm 2000.
- Bách khoa thư Bệnh học tập 1, 2, 3, 4 - GS. Phạm Song và GS.TS Nguyễn Hữu Quỳnh (chủ biên). NXB Y học năm 2003 - 2004.
- Cẩm nang điều trị Nội khoa (sách dịch) - GS. Phạm Khuê (chủ biên). NXB Y Học năm 1996.
- Các nguyên lý y học Nội khoa Harrison (sách dịch) tập 1 & 4 - Isselbacher, Braunwald, Wilson, Martin, Fauci, Kasper. NXB Y học năm 1999.
- Annales de l'internat 1996 Zones nord et sud (Corrigées par la conférence hippocrate) - NXB Y học năm 1997
- The Washington Manual of Critical Care 2nd edition – Marin Kollef, Warren Isakow. Nhà xuất bản “Wolters Kluwer, Lippincott Williams and Wilkins”, năm 2008
- Harrison's Principles of Internal Medicine 17th edition (Self - Assessment and Board Review) - Wiener, Fauci, Braunwald, Kasper, Hauser, Longo, Jameson, Loscalzo. Nhà xuất bản: “Mc Graw Hill Medical” năm 2008

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

- + Thi lý thuyết

- Điều kiện thi lý thuyết: học viên phải tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, nếu nghỉ quá 20% số thời gian quy định sẽ không được dự thi hết học phần. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá lý thuyết bằng hình thức thi viết truyền thống, học viên trình bày những hiểu biết của mình về chẩn đoán và xử trí vấn đề tiêu hóa theo quan điểm mới, hiện đại. Bài viết lý thuyết được chấm đọc lập 2 vòng bởi 2 giảng viên có trình độ từ Tiến sĩ trở lên và tính điểm theo quy định hiện hành theo thang điểm 10 cho mỗi câu hỏi.

+ Thi lâm sàng:

- Điều kiện thi lâm sàng: học viên phải tham gia đầy đủ thực hành tại bệnh viện, trực đầy đủ và thực hiện đầy đủ thủ thuật theo yêu cầu của bộ môn. Nếu nghỉ quá 10% thời gian thực hành sẽ không được dự thi. Trường hợp nghỉ có lý do bộ môn sẽ xét cụ thể sau.

- Lượng giá thực hành theo phương pháp thi vấn đáp trực tiếp giữa học viên và 02 cán bộ hỏi thi về các vấn đề liên quan đến lập luận chẩn đoán, xử trí, tiên lượng bệnh nhân khoa tiêu hóa đã được bốc thăm ngẫu nhiên trước đó.

+ Thi tay nghề:

Học viên được lượng giá kỹ năng thủ thuật tiêu hóa bởi 02 cán bộ chấm thi trực tiếp kỹ năng tiến hành trên 1 bệnh nhân cụ thể, dựa vào bảng kiểm.

CƠ SỞ VẬT CHẤT CẦN ĐỂ GIẢNG DẠY

- Lý thuyết:

- + Giảng đường.
- + Máy chiếu.
- + Bảng.
- + Loa đài, micro.

- Thực hành:

- + Mô hình.
- + Dụng cụ, trang thiết bị tiến hành trực tiếp trên người bệnh
- + Video mẫu

Đề cương môn học:
HÓA SINH - LÂM SÀNG
Mã số môn học: YHHS.589
Số đơn vị học trình : 3(1,2)

Chịu trách nhiệm giảng dạy: bộ môn hóa sinh - Trường ĐHYDHP.

Công bộ giảng dạy

1. BSCK2. Trần Hoài Nam - Bộ môn Hóa sinh - Trường ĐHYDHP.
2. PGS.TS. Phạm Thị Lý - Bộ môn Hóa sinh - Trường ĐHYDHP.
2. ThS. GVC. Nguyễn Thị Phương Mai - Bộ môn Hóa sinh - Trường ĐHYDHP.

A. MÔ TẢ MÔN HỌC

- Môn sinh hóa lâm sàng là môn cần thiết để giảng cho bác sĩ, là một trong những môn cơ sở, nền tảng cho việc giảng dạy các môn chuyên ngành.

- Môn học này trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống hiện đại, áp dụng cho các môn chuyên ngành trong việc chẩn đoán và điều trị bệnh.

- Những nội dung ở phần này ở bậc đại học các học viên chưa được giảng. Do vậy ở bậc học này họ sẽ được cập nhật kiến thức đầy đủ nhất.

B. MỤC TIÊU HỌC TẬP:

Sau khi kết thúc khóa học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được các chỉ số hoá sinh trong lâm sàng thường dùng.
2. Giải thích được các hội chứng Hoá sinh trong lâm sàng.
3. Thực hành và biện luận kết quả xét nghiệm máu, nước tiểu và các dịch sinh vật

C. NỘI DUNG:

STT	Tên bài giảng - chuyên đề	Số tiết	
		LT	TH
1	Hội chứng hoá sinh trong bệnh lý Gan- Mật	2	4

2	Hội chứng hoá sinh trong bệnh lý Tim mạch	2	4
3	Hội chứng hoá sinh trong bệnh lý thận tiết niệu	2	4
4	Hội chứng hoá sinh trong bệnh lý đái tháo đường	2	4
5	Hội chứng hoá sinh trong bệnh lý Tụy - đường mật.	2	4
6	Hội chứng hoá sinh trong rối loạn nước- điện giải	2	4
7	Hội chứng hoá sinh trong rối loạn thăng bằng Acid-Base	2	2
8	Một số xét nghiệm miễn dịch trong bệnh lý Ung thư và bệnh nội tiết.	5	4
Cộng		15	30

D. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY

- Thuyết trình bằng các phương pháp nghe nhìn hiện đại
- Nghiên cứu trường hợp

E. TÀI LIỆU GIẢNG DẠY - THAM KHẢO:

1. Hóa sinh học - Nhà xuất bản Y học 2002.
2. Enzym và xúc tác sinh học - Nguyễn Hữu Chấn - NXBYH 1998.
3. Các chuyên đề hóa sinh và Dịch tễ học lâm sàng - Bạch Vọng Hải 2000 NXBYH.
4. Charpin.J; Vervloet. D (1992): Allergologie: 3^e edition, Medicine-Sciences Flammarion Paris.
5. Fabienne Rance; Alain Didier; Guy DuDutau (2002): Urgences en allergologie, Expansion Scientifique Francaise, Paris.
6. Guy Duteau (2002): Guide Pratique l'asthme de l'enfant. Mimi éditions Masson, Paris.
7. Guy Duteau (2002): Allergoguide du symptome au traitement.
8. Hachull. ã; Harton. P.Y (2000): Dôtecter les maladôe systômiques auto-immunes. Le quoitidien III Masson.

9. Hormon - Lê Đức Trõnh. NXBYH 2001.

10. Bài giảng bệnh học Nội khoa tập I - Trường Đại học Y HN - NXBYH 2000.

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

Sau môn học này học viên phải đạt được mục tiêu học tập.

- Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

+ Thi viết bằng câu hỏi cải tiến

+ Thi lâm sàng và thủ thuật

+ Thi lý thuyết truyền thống

- Số lần kiểm tra:

1 lần kiểm tra lý thuyết	Trọng số	0,3
--------------------------	----------	-----

1 lần thi hết môn gồm:

Thi lý thuyết	Trọng số	0,7
---------------	----------	-----

Tổng	1
------	---

- Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKTLT} * 0,3) + (\text{ĐTLT} * 0,7)$$

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

MÔN HỌC: DƯỢC LÝ LÂM SÀNG

1. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN

Mã học phần: YHDL.527

Tổng số ĐVHT: 3 Lý thuyết : 2 Thực hành: 1

Phân bố thời gian (tiết): 45 Lý thuyết: 30 Thực hành: 15

Đối tượng sinh viên: Bác sĩ nội trú bệnh viện, chuyên ngành nội.

Học phần tiên quyết: Sinh lý, Giải phẫu, Sinh hóa, Sinh lý, Vi sinh, Ký sinh trùng

Học phần học trước: Không

Học phần song hành: Sinh lý bệnh - Miễn dịch, Giải phẫu bệnh

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Dược lý, Khoa Dược

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

- PGS.TS Nguyễn Văn Hùng
- Ths.DS Nguyễn Thị Mai Loan
- Ths.DS Phạm Văn Trường
- Ths.BS Nguyễn Thị Thu Hương

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Môn Dược lý lâm sàng là môn cần thiết để giảng cho bác sĩ, là một trong những môn cơ sở, nền tảng cho việc giảng dạy điều trị các chuyên ngành.

- Môn học này trang bị cho học viên kiến thức cơ bản, có hệ thống hiện đại, áp dụng cho các môn chuyên ngành trong việc chuẩn đoán và điều trị bệnh.

- Những nội dung đã được học ở bậc đại học, tại bậc học này học viên được bổ xung kiến thức, được cập nhật, mở rộng và nâng cao.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN: Sau khi học xong môn này, học viên có khả năng:

3.1. Kiến thức

- Phân tích các ứng dụng của dược động học trong lâm sàng

- Phân loại các nhóm kháng sinh, dược lý học, sử dụng thuốc kháng sinh trong điều trị nội khoa
- Trình bày được các thuốc giãn phế quản, giảm ho, trợ tim, lợi tiểu, cầm máu
- Mô tả được cách sử dụng thuốc trên một số cơ địa đặc biệt: suy gan, suy tim, phụ nữ có thai, người già.
- Trình bày được cách sử dụng corticoid, thuốc chống ung thư, thuốc giảm đau chống viêm.

3.2. Kỹ năng:

- Phân tích được cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến cơ chế tác dụng của thuốc.
- Biết tra cứu về những tác dụng dược lý, tác không mong muốn của một số thuốc thông thường.

3.3.Thái độ:

- Hiểu đúng vai trò của các ứng dụng dược lý lâm sàng trong điều trị
- Có thái độ hợp tác tốt với đồng nghiệp

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chủ đề lý thuyết	Số giờ Lý thuyết	Số giờ Thực hành
Đại cương về dược lý học lâm sàng, động học	2	1
Thuốc kháng sinh	3	2
Các thuốc Corticoid	3	2
Các thuốc giãn mạch	3	1
Các thuốc chống ung thư	3	1
Các thuốc lợi tiểu	3	1
Các thuốc trợ tim	3	2
Các thuốc giảm đau, chống viêm	3	1
Sử dụng thuốc trên một số cơ địa đặc biệt	4	2

Thuộc thiết yếu	3	2
Tổng số tiết	30	15

5. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1. Phương pháp dạy:

- Thuyết trình, hướng dẫn tự học
- Thảo luận nhóm

5.2. Phương pháp học và tự học

- Học viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Chuyên đề dược lý lâm sàng, Trường đại học Y Dược Hải Phòng 2010. Tài liệu học tập Khoa dược học.

6.1. Tài liệu tham khảo

- Trường đại học dược Hà Nội-Đại học Groningen Hà Lan: *Dược lâm sàng, những nguyên lý cơ bản sử dụng thuốc trong điều trị*. Nhà xuất bản Y học.
- Bộ Y tế: *Chăm sóc Dược*. Sách đào tạo dược sỹ và học viên sau đại học. PGS.TS Hoàng Thị Kim Huyền. Nhà xuất bản Y học.
- Dược lý lâm sàng: Bộ môn Dược lý Đại học Y Hà Nội 2012. Nhà xuất bản Y học.
- Brunton LL, Lazo JS, Parker KL (2006), *Goodman & Gilman's: The pharmacological basis of therapeutics*, McGraw-Hill, Inc, 11th edition.
- Katzung BG (2006), *Basic and clinical pharmacology*, McGraw-Hill, Inc, 10th edition.

6.3. Vật liệu giảng dạy.

- Giáo trình, overhead, powerpoin.
- Phấn, bút dạ.
- Thuốc, hóa chất, bơm tiêm, bông, cồn

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.

- Thực hành: phòng thực hành và trang thiết bị cho việc giảng dạy

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi học viên

8.2. Đánh giá trong quá trình học tập

+ Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).

+ Kiểm tra thường xuyên: câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá kết thúc học phần

Sử dụng đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện để dự thi kết thúc học phần.

- Cách đánh giá:

+ 1 lần kiểm tra lý thuyết (ĐKT1). Trọng số: 0.3

+ 1 lần thi hết môn: Thi lý thuyết (ĐTHM). Trọng số 0.7

- Cách tính điểm môn học: $ĐMH = (ĐKT1 * 0.3) + (ĐTHM * 0.7)$

- Hình thức kiểm tra và thi hết môn:

+ Test đánh giá lý thuyết

+ Hệ câu hỏi Q.C.M

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
MÔN HỌC BỆNH LAO VÀ BỆNH PHỔI

Mã số:	YHBL582
Số đơn vị học trình:	3 (LT: 2, TH: 1)
Số tiết học:	60 tiết LT: 30 tiết TH: 15 tiết
Số chứng chỉ:	01
Số lần kiểm tra:	02

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn lao và bệnh phổi – Trường Đại học Dược Y Hải Phòng.

Cán bộ giảng dạy:

5. PGS. TS. Trần Quang Phục - Đại học Y Hải Phòng
6. TS. Nguyễn Huy Điện - Đại Học Y Hải Phòng

A. MÔ TẢ MÔN HỌC

Môn lao cộng đồng là môn có liên quan với các môn học chuyên ngành nội khoa trong chẩn đoán và điều trị.

Môn học này chưa được học sâu ở bậc đại học. Môn học trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống cùng kỹ năng thực hành giúp cho việc chẩn đoán và điều trị các bệnh nội khoa đầy đủ và hoàn chỉnh nhất.

B. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

Sau khi kết thúc khóa học, học viên có khả năng:

Về kiến thức:

- Nắm được các đặc điểm dịch tễ học, triệu chứng lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh lao.
- Nắm được các phương pháp chẩn đoán và điều trị lao tại cộng đồng.

Về thái độ :

- Nhận thức được tầm quan trọng của bệnh lao trong thực hành lâm sàng tại cộng đồng.
- Cầu thị và hợp tác làm việc theo nhóm và phối hợp liên ngành

Về thực hành:

- Chẩn đoán và điều trị đúng bệnh lao thường gặp tại cộng đồng
- Quản lý và phòng bệnh lao tại cộng đồng
- Phối hợp các ngành, các cấp trong công tác phòng chống lao ở cộng đồng

C. NỘI DUNG

STT	CHỦ ĐỀ	SỐ TIẾT	
		LT	TH
1	Chương 1: Đặc điểm dịch tễ học bệnh lao 1.1 Tình hình bệnh lao trên thế giới hiện nay 1.2 Nguyên nhân và yếu tố nguy cơ mắc bệnh lao Lao và HIV/AIDS	4	2
2	Chương 2: Phát hiện bệnh lao tại cộng đồng 1. Tình hình lây nhiễm lao trong cộng đồng, quản lý và phát hiện lao sớm ở người HIV / AIDS 2. Các biện pháp phát hiện lao tại cộng đồng Các kỹ thuật chẩn đoán bệnh lao 3. Điều trị bệnh lao tại cộng đồng	6	3
3	Chương 3: Các thể lao thường gặp 1. Lao phổi 2. Lao màng phổi 3. Lao hạch 4. Lao xương khớp 5. Lao màng bụng	6	5
4	Chương 4: Điều trị, quản lý bệnh lao tại cộng đồng. 1. Quản lý bệnh nhân lao tại tuyến cơ sở 2. Tổ chức khám định kỳ 3. Nguyên tắc điều trị lao tại cộng đồng	6	1

	4. Mạng lưới chống lao Việt Nam		
5	Chương 5: Phòng bệnh lao 1. Quản lý nguồn lây: các bệnh nhân lao AFB(+), HIV/AIDS 2. Các biện pháp phát hiện sớm bệnh lao ở nhóm đối tượng nguy cơ cao	4	2
6	Chương 6: Chương trình chống lao quốc gia 1. Đại cương phòng chống lao hiện nay trên thế giới và Việt Nam 2. Chương trình phòng chống lao quốc gia DOTS. 3. Chiến lược phòng chống lao đến 2020-2030 của thế giới và Việt Nam.	4	2
Tổng		30	15

D. TÀI LIỆU HỌC TẬP

1. Tài liệu giảng dạy:

- a. Bài giảng sau đại học lao và bệnh phổi, NXBYH, 1992
- b. Bệnh học lao và bệnh phổi, tập 1, NXBYH, 1994
- c. Bệnh học lao và bệnh phổi, tập 2, NXBYH, 1996
- d. Bệnh lao trẻ em / Trần Văn Sáng. - H. : Y học, 1998. - 232 tr. ; 19 cm

2. Tài liệu tham khảo:

- Bệnh hô hấp – Ngô Quý Châu, NXB Y Học, 2011.
- Cập nhật chẩn đoán và điều trị bệnh lý hô hấp – PGS. TS Phạm Thắng, NXB Y học, Hà Nội, 2011.
- Hướng dẫn quản lý bệnh lao kháng đa thuốc – Chương trình chống lao quốc gia, NXB Y học, Hà Nội 2009.
- Hướng dẫn quản lý bệnh lao, Bộ Y tế, Chương trình chống lao quốc gia (2009)

- Bệnh học lao – Trần Văn Sáng, NXB Y học, Hà Nội 2007.
- Bệnh lao và nhiễm HIV/AIDS / Hoàng Minh: Y học, 1998. - 267 tr.;
- Hướng dẫn chẩn đoán bệnh lao sử dụng kỹ thuật Gene Xpert MTB/RIF – Chương trình chống lao quốc gia, Hà Nội, 2013.

3. Tài liệu hướng dẫn sinh viên tự học:

- Phát hiện và điều trị bệnh lao – Nguyễn Việt Cồ, Chương trình chống lao quốc gia, NXB Y học, Hà Nội 2001.

E. PHƯƠNG PHÁP DẠY VÀ HỌC

- Lý thuyết: Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực: phát vấn, thảo luận nhóm, dạy học theo mục tiêu. Một số nội dung được giao cho học viên chuẩn bị trước ở nhà.

- Thực hành: Ca lâm sàng, thực hành tại bệnh viện
- Vật liệu dạy học: Phấn, bảng, máy tính, máy chiếu.

F. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Hình thức kiểm tra:

- Lý thuyết: Thi viết trong quá trình học và khi kết thúc học phần.
- Thực hành: thi vấn đáp trên bệnh án

Cách tính điểm môn học:

- Kiểm tra 1 (ĐKT1): Trọng số 0,3
 - Thi hết môn (ĐT): Trọng số 0,7
- Tổng trọng số: 1,0

Cách tính điểm môn học:

$$\text{ĐMH} = (\text{ĐKT1} \times 0,3) + (\text{ĐT} \times 0,7)$$

CHỈ TIÊU THỰC HÀNH TAY NGHỀ

1. Thực hành điều trị

- Khám bệnh làm bệnh án, điều trị kê đơn, sơ kết điều trị, tổng kết bệnh án ra viện.
- Học viên có mặt tại khoa lâm sàng thường xuyên đến 22 giờ (trừ thời gian học lý thuyết) tham gia trực và phục vụ người bệnh, xử lý cấp cứu cùng bác sĩ trực.
- Trực tiếp làm thủ thuật, phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh.
- Dự các buổi hội chẩn Khoa, hội chẩn Viện, tham gia hội nghị khoa học.

2. Các chỉ tiêu thực hành.

STT	Nội dung chỉ tiêu thực hành	Trung bình/năm/HV	Phương pháp đánh giá
1	Khám , làm BA mới vào 5 BN/tuần/học viên	120	Bảng kiểm
2	Trực đêm tại các khoa lâm sàng 4 buổi/tuần/học viên	450	Bảng kiểm
3	Soi dạ dày (phụ và xem 2 ca/tuần/học viên)	85 ca	Bảng kiểm
4	Soi ổ bụng (tự làm có hướng dẫn) 4 ca/tuần/học viên)	35 ca	Bảng kiểm
5	Soi trực tràng (phụ và xem 2 ca/tuần/học viên)	225 ca	Bảng kiểm
6	Chọc hút dịch ổ trướng 2 ca/tuần/học viên)	15 ca	Bảng kiểm
7	Ghi điện tâm đồ, phân tích kết quả 5 ca/tuần/học viên)	225 ca	Bảng kiểm
8	Chọc hút dịch màng ngoài tim (xem và	15 ca	Bảng kiểm

	tự làm có hướng dẫn)		
9	Chuẩn bị bệnh nhân sốc điện	15 ca	Bảng kiểm
10	Sốc điện và theo dõi bệnh nhân sau sốc (tự làm có hướng dẫn)	15 ca	Bảng kiểm
11	Chọc hút dịch khớp- bơm rửa ô khớp	30 ca	Bảng kiểm
12	Chọc hút dịch màng phổi (tự làm có hướng dẫn)	15 ca	Bảng kiểm
13	Soi phế quản (tự làm có hướng dẫn)	15 ca	Bảng kiểm
14	Chọc hạch và làm hạch đồ (tự làm có hướng dẫn)	9-15 ca	Bảng kiểm
15	Đặt nội khí quản theo dõi bệnh nhân thở máy	25 lần	Bảng kiểm
16	Đặt Catheter tĩnh mạch dưới đòn (phụ và làm có hướng dẫn)	25 ca	Bảng kiểm
17	Xem , phụ và theo dõi bệnh nhân chạy thận nhân tạo	15 ca	Bảng kiểm
18	Rửa dạ dày	15 lần	Bảng kiểm
19	Chuẩn bị bệnh nhân để báo cáo ca lâm sàng	6 tuần/lần	Bảng kiểm
20	Chuẩn bị bệnh nhân hội chẩn, dự hội chẩn khoa và hội chẩn viện	15 lần/tốp	Bảng kiểm

Bảng kiểm chi tiết có 3 mức độ

(*) Mức độ 1: Thực hiện dưới sự hướng dẫn của người khác

Mức độ 2: Làm chủ được kỹ năng

Mức độ 3: Thực hiện thành thạo

Phần bảng kiểm này sẽ cụ thể trong khi học viên thi hết môn học và thi tốt nghiệp.

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. CHƯƠNG TRÌNH

- Chương trình đào tạo Nội trú chuyên ngành nội khoa được xây dựng theo khung chương trình ban hành tại Quyết định số 1635/2001/QĐ - BYT ngày 25/5/2001 và Quyết định số 19/2006/QĐ - BYT, ngày 4/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo bác sĩ Nội trú.
- Các môn học chung có 03 môn học, với tổng số 15 ĐVHT/225 tiết: Lý thuyết 10 ĐVHT/150 tiết; thực hành 5 ĐVHT/75 tiết.
- Các môn học sở và hỗ trợ có 07 môn học, với tổng số 27 ĐVHT/405 tiết: lý thuyết 15 ĐVHT/225 tiết; thực hành 12 ĐVHT/180 tiết.
- Các môn học chuyên ngành có 06 môn học, với tổng số 71 ĐVHT/1065 tiết trong đó lý thuyết 24 ĐVHT/360 tiết; thực hành 47 ĐVHT/705 tiết.
- Luận văn tương ứng 28 ĐVHT/ 420 tiết.

2. KẾ HOẠCH SẮP XẾP NỘI DUNG VÀ QUỸ THỜI GIAN

2.1. Nội dung

Sắp xếp lịch học theo thứ tự sau

- Các môn học đại cương, môn học cơ sở và môn lựa chọn học trong học kỳ I.
- Các môn hỗ trợ và môn học chuyên ngành học trong học kỳ II, III, IV, V
- Riêng môn ngoại ngữ học xen kẽ với các môn trên trong các học kỳ I,II, III và thi vào học kỳ IV .
- Thông qua đề cương luận văn và thực hiện từ học kỳ III
- Tổ chức thi tốt nghiệp vào cuối học kỳ VI (quỹ thời gian cụ thể ở mục 2.2.)
- Số tiết học để thuận cho việc tính toán chúng tôi quy ước như sau:
 - 1 đơn vị học trình lý thuyết = 15 tiết chuẩn = 15 tiết lý thuyết
 - 1 đơn vị học trình tại Bệnh viện = 15 tiết chuẩn = 45 tiết thực hành

1 đơn vị tại phòng học hoặc phòng xét nghiệm = 15 tiết chuẩn = 30 tiết thực hành

2.2. Quỹ thời gian (tính theo tuần)

Học kỳ	Học tập	Thi	Tết/hè	Tổng
I	21	2	2	25
II	20	2	3	25
III	21	2	2	25
IV	20	2	3	25
V	21	2	2	25
VI	20	2	3	25
Tổng	123	12	15	150

3. THỰC HÀNH LÂM SÀNG.

3.1. Thực tập: Tại labo các bộ môn cơ sở

3.2. Thực hành lâm sàng: Dựa theo các chỉ tiêu tay nghề của từng môn học.

Học viên thực tập nội trú tại bệnh viện.

4. ĐÁNH GIÁ CÁC MÔN HỌC:

- Các môn học có cả lý thuyết và thực hành: Căn cứ vào tỷ lệ từng phần để tổng hợp thành điểm chung.

- Các môn lâm sàng: điểm lý thuyết và thực hành tính độc lập

Điểm lý thuyết và thực hành phải đạt từ 6 trở lên, riêng môn chuyên ngành phải từ 7 (bảy) trở lên theo thang điểm 10, làm tròn đến 0,5 điểm.

Học viên có ít hơn hoặc bằng 1/3 số chứng chỉ không đạt, được thi lần 2, có quá 1/3 số chứng chỉ không đạt hoặc có bất kỳ chứng chỉ nào thi lần 2 không đạt buộc thôi học.

5. MÔ TẢ THI TỐT NGHIỆP.

5.1. Điều kiện thi tốt nghiệp.

Học viên được dự thi tốt nghiệp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo bác sĩ nội trú bệnh viện.

5.2. Thời gian ôn thi và làm luận văn: Tương ứng 28 đơn vị học trình.

5.2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện làm luận văn.

- Học viên thông qua đề cương luận văn tốt nghiệp vào đầu năm thứ 2
- Sau khi xem xét đề nghị của bộ môn, hiệu trưởng ra quyết định giao đề tài luận văn tốt nghiệp cho học viên và người hướng dẫn học viên thực hiện luận văn. Luận văn phải thể hiện được sự vận dụng phương pháp nghiên cứu, những kiến thức tiếp thu được trong quá trình học tập và phương pháp giải quyết những vấn đề đã lựa chọn.

- Người hướng dẫn luận văn: Cán bộ hướng dẫn bác sĩ nội trú bệnh viện (BSNTBV) làm luận văn tốt nghiệp là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ

5.2.2. Thời gian thi: Học viên được nghỉ 02 tháng để hoàn thiện luận văn và ôn thi tốt nghiệp

- Lý thuyết: 180 Phút

- Thực hành: 180 phút

- Thủ thuật

- Bảo vệ luận văn

Các vấn đề khác, thực hiện theo điều 11 của Quyết định số 18/2000/QĐ - BGD&ĐT, ngày 8/6/2000 của Bộ trưởng BGD&ĐT ban hành quy chế Đào tạo sau đại học.

5.2.3. Hình thức thi.

Môn chuyên ngành

Điểm thi lý thuyết và thực hành của từng phần được tính độc lập.

- Lý thuyết: Hoặc thi viết cải tiến hoặc trắc nghiệm.

- Lâm sàng: trình bày bệnh án, kỹ năng thực hành, chẩn đoán và điều trị trên bệnh nhân, thực hiện một chỉ tiêu tay nghề.

- Tay nghề

Bảo vệ luận văn

Được trình bày và bảo vệ trước hội đồng chấm luận văn gồm 5 thành viên, có 2 người nhận xét và có ít nhất 2 thành viên là người ngoài cơ sở đào tạo.

Thi ngoại ngữ: thi theo quy định hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo.

Các điểm thi phải đạt 7 điểm trở lên tính theo thang điểm 10.

5.3. Cách tính điểm

Thực hiện theo Công văn số 6698/YT-K2ĐT ngày 13/9/2004 của Bộ Y tế về việc xếp loại tốt nghiệp sau đại học trong lĩnh vực y tế

Các điểm thi phải đạt 7 điểm trở lên tính theo thang điểm 10.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

